

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>6</b>
1. Tên dự án quy hoạch. ....	6
2. Sự cần thiết phải Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tỉnh Tiền Giang.....	6
3. Các căn cứ để lập quy hoạch .....	6
4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch .....	8
5. Mục tiêu, yêu cầu, các vấn đề chính cần giải quyết của quy hoạch .....	8
6. Nội dung của quy hoạch.....	9
<b>PHẦN MỘT: THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG</b> .....	<b>10</b>
<b>I. TỔNG QUAN ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TIỀN GIANG</b> .....	<b>10</b>
1. Điều kiện tự nhiên.....	10
2. Điều kiện kinh tế .....	11
2.1. Tăng trưởng và giá trị tăng thêm .....	11
2.2. Thực trạng các ngành kinh tế.....	12
2.3. Thực trạng ngành thương mại.....	13
3. Điều kiện xã hội .....	14
3.1. Dân số, cơ cấu và mật độ dân số.....	14
3.2. Lao động và thu nhập .....	15
4. Đô thị và giao thông .....	<b>16</b>
<b>II. THỰC TRẠNG TIÊU THỤ, KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI GIAN QUA</b> .....	<b>16</b>
1. Thực trạng tiêu thụ thuốc lá trong thời gian qua .....	16
2. Thực trạng kinh doanh và phân bố mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá .....	18
2.1. Các DN bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh.....	18
2.2. Các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh....	19
<b>III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b> .....	<b>21</b>
1. Hệ thống văn bản pháp lý của Nhà nước có liên quan đến việc phát triển mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá.....	21
2. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước đối với kinh doanh bán buôn bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh.....	22

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI GIAN QUA.....	22
1. Những mặt đạt được .....	22
2. Những hạn chế, tồn tại.....	23
3. Những đề cơ bản đặt ra cần giải quyết trong việc phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang .....	25
<b>PHẦN HAI. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ CÁC SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH: .....</b>	<b>26</b>
I. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH .....	26
1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.....	26
1.1. Mục tiêu tổng quát.....	26
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	26
1.3. Phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ.....	27
1.4. Phát triển đô thị và giao thông .....	28
2. Dự báo dân số, lao động, việc làm và thu nhập dân cư .....	30
2.1. Dự báo dân số và cơ cấu .....	30
2.2. Dự báo lao động, việc làm và thu nhập dân cư.....	30
II. DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....	31
1. Xu hướng phát triển nguồn cung ứng sản phẩm thuốc lá VN.....	31
2. Dự báo xu hướng tiêu thụ thuốc lá.....	31
3. Dự báo xu hướng PT kinh doanh của lực lượng thương nhân.....	32
4. Xu hướng phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh.....	33
<b>PHẦN BA. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025 .....</b>	<b>35</b>
I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....	35
1. Quan điểm quy hoạch.....	35
2. Mục tiêu quy hoạch .....	35
2.1. Mục tiêu chung .....	35
2.2. Mục tiêu cụ thể .....	36
3. Định hướng quy hoạch .....	36
3.1. Định hướng các chủ thể bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá.....	36
3.2. Định hướng loại hình mạng lưới bán buôn, bán lẻ thuốc lá .....	36

3.3. Định hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh .....	37
<b>II. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025 ...</b>	<b>38</b>
1. Căn cứ xác định quy hoạch.....	38
2. Điều kiện, thẩm quyền cấp và thời hạn giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá.....	38
2.1. Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.....	38
2.2. Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá .....	39
3. Quy hoạch mạng lưới bán buôn và bán lẻ SP thuốc lá trên địa bàn.....	40
3.1. Phương án quy hoạch .....	40
3.2. Quy hoạch mạng lưới bán buôn sản phẩm thuốc lá.....	43
3.3. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá.....	44
3.4. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn .....	45
<b>III. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>48</b>
1. Khái quát ảnh hưởng của thuốc lá tới môi trường.....	48
2. Dự báo tác động của thuốc lá và hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá với môi trường .....	50
3. Giải pháp các vấn đề về môi trường do thuốc lá gây ra .....	50
<b>PHÂN BỐN. CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH ...</b>	<b>51</b>
<b>I. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU .....</b>	<b>51</b>
1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước.....	52
2. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.....	54
2.1. Các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ thuốc lá ...	54
2.2. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá.....	55
3. Đối với người tiêu dùng sản phẩm thuốc lá .....	54
<b>II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....</b>	<b>54</b>
1. Các Sở, Ban, Ngành .....	54
2. Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, các thị xã và huyện.....	55
3. Các TPKT tham gia bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá .....	57
<b>III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>58</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>59</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>60</b>

## MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Tăng trưởng và cơ cấu GDP .....	11
Bảng 2. GDP ngành thương mại .....	13
Bảng 3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và kim ngạch xuất - nhập khẩu .....	13
Bảng 4. Dân số trung bình và cơ cấu .....	15
Bảng 5. Lượng tiêu thụ thuốc lá thời gian qua .....	17
Bảng 6. Mạng lưới thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh .....	20
Bảng 7. Dự báo dân số trung bình và cơ cấu .....	30
Bảng 8. Dự báo lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ .....	33
Bảng 9. Số lượng giấy phép bán buôn tối đa được cấp .....	41
Bảng 10. Số lượng giấy phép bán lẻ tối đa được cấp .....	42
Bảng 11. Số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp phân theo địa bàn hành chính .....	44
Bảng 12: Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp phân theo địa bàn hành chính .....	45

## GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- Sản phẩm thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hay một phần nguyên liệu thuốc lá và được chế biến dưới dạng thuốc điếu, xì gà, thuốc lá sợi dùng để hút tẩu và các dạng sản phẩm khác dùng để hút, nhai, ngửi.

- Thương mại bán buôn: theo nghĩa tổ chức, còn gọi là doanh nghiệp thương mại bán buôn, hay công ty bán buôn, bao gồm tất cả các tổ chức mà hoạt động kinh tế của nó chủ yếu hoặc chỉ tập trung vào hoạt động bán buôn theo chức năng. Một doanh nghiệp hay công ty chỉ được coi là thương mại bán buôn khi hoạt động bán buôn dẫn tới việc tạo ra giá trị lớn hơn các hoạt động thứ hai hoặc các hoạt động khác.

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá là thương nhân mua sản phẩm thuốc lá từ thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá và nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá để bán cho các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Thương mại bán lẻ theo nghĩa tổ chức, còn gọi là doanh nghiệp thương mại bán lẻ, bao gồm các tổ chức mà hoạt động kinh tế của họ chỉ hoặc chủ yếu thực hiện các hoạt động thương mại bán lẻ theo chức năng. Một tổ chức được coi là thương mại bán lẻ khi mà hoạt động bán lẻ đem lại giá trị lớn hơn hoạt động thứ hai hoặc các hoạt động khác.

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá là thương nhân mua sản phẩm thuốc lá từ thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá để bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

## CHỮ VIẾT TẮT

### 1. Tiếng Anh

- GDP Tổng sản phẩm quốc nội
- GRDP Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh
- USD Đô la Mỹ

### 2. Tiếng Việt

- Giá SS Giá so sánh
- Giá HH Giá hiện hành
- GP Giấy phép
- KV I Ngành nông nghiệp, lâm, thủy sản
- KV II Ngành công nghiệp và xây dựng
- KV III Ngành thương mại - dịch vụ
- TĐTTBQ Tốc độ tăng trưởng bình quân
- TMBLHH & DTDVTD Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
- UBND Ủy ban nhân dân
- TP. Thành phố (Hồ Chí Minh, Mỹ Tho)
- TX. Thị xã (Gò Công, Cai Lậy)
- H. Huyện
- X. Xã

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Tên dự án quy hoạch:** Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

### **2. Sự cần thiết phải Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tỉnh Tiền Giang**

Thuốc lá là sản phẩm không có giá trị dinh dưỡng, ngược lại, chứa các chất độc hại có khả năng gây nhiều bệnh nguy hiểm như: tim mạch, loãng xương, ung thư phổi,... Hút thuốc lá có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe người hút và cộng đồng dân cư. Hàng năm, thuốc lá giết hại hàng triệu người trên thế giới. Ngoài ra, hút thuốc lá còn gây ra những tổn thất lớn về kinh tế cho từng gia đình và toàn xã hội.

Tuy vậy, việc tiêu dùng sản phẩm thuốc lá đã trở thành thói quen của một bộ phận dân cư trong xã hội. Hoạt động kinh doanh thuốc lá trên địa bàn cả nước nói chung, tỉnh Tiền Giang nói riêng vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, các điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá hình thành tự do, kể cả gần trường học, bệnh viện và các nơi công cộng khác, thuốc lá nhập lậu dường như vẫn hiện diện ngang nhiên trên thị trường...

Để hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước được quy định cụ thể tại Luật số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội Phòng chống tác hại thuốc lá; Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá... trong đó quy định việc cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải theo quy hoạch; đồng thời việc tăng cường quản lý mạng lưới bán buôn, bán lẻ thuốc lá để góp phần chống các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại đối với mặt hàng này; để góp phần hạn chế tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe cộng đồng, với nền kinh tế; để mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá hướng đến văn minh, hiện đại,... việc Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 là cần thiết.

### **3. Các căn cứ để lập quy hoạch**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội Phòng chống tác hại thuốc lá;

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về một số biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá;

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

- Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Thông tư số 17/2010/TT-BCT ngày 05/5/2010 của Bộ Công Thương Quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại;

- Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT ngày 9/2/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn xác định mức chi phí lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025”;

- Nghị quyết tỉnh Đảng bộ Tiền Giang nhiệm kỳ 2015-2020;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển thương mại đến năm 2020, quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch kinh tế - xã hội thành phố, các thị xã và các huyện.v.v.; ý kiến góp ý quy hoạch của các Sở, Ngành, UBND thành phố Mỹ Tho, các thị xã và các huyện; Ý kiến đóng góp, chỉ đạo, định hướng của các thành viên Hội đồng Thẩm định quy hoạch;

- Nguồn tài liệu tham khảo: Thông tin của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công Thương), Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam, các Tổng công ty, công ty sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá...

#### **4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch**

##### *4.1. Phạm vi lập quy hoạch:*

Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên phạm vi toàn tỉnh Tiền Giang.

##### *4.2. Thời kỳ lập quy hoạch:*

Đánh giá thực trạng tình hình kinh doanh thuốc lá giai đoạn trước và quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

#### **5. Mục tiêu, yêu cầu các vấn đề chính cần giải quyết của quy hoạch**

- Trên cơ sở hiện trạng bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; hiện trạng và định hướng kinh tế xã hội của tỉnh; các văn bản pháp luật về quản lý kinh doanh, tiêu dùng thuốc lá... bằng các phương pháp nghiên cứu như: điều tra, khảo sát; thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp; kế thừa; chuyên gia; tiếp cận cộng đồng... đánh giá ưu, nhược điểm của mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá hiện tại; dự báo nhu cầu và xu hướng thiết lập mạng lưới bán buôn, bán lẻ thuốc lá; đưa ra quan điểm, mục tiêu, định hướng và



phân bố mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh hợp lý theo hướng đáp ứng nhưng không khuyến khích nhu cầu tiêu dùng vì sức khỏe người sử dụng và lợi ích của cộng đồng, quản lý chặt chẽ mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Để làm căn cứ pháp lý cho các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh đúng pháp luật, văn minh, hiện đại.

- Để làm cơ sở quản lý và thiết lập mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh.

## **6. Nội dung của quy hoạch**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung quy hoạch bao gồm:

- Phần một: Thực trạng mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Phần hai: Dự báo các yếu tố tác động đến mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh giai đoạn quy hoạch.

- Phần ba: Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Phần bốn: Các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch.

## PHẦN MỘT

### **THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**

#### **I. TỔNG QUAN ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TIỀN GIANG**

##### **1. Điều kiện tự nhiên**

Tiền Giang thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Long An và TP. Hồ Chí Minh, phía tây giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Nam giáp tỉnh Bến Tre và Vĩnh Long, phía Đông giáp biển Đông. Tiền Giang nằm trong tọa độ  $105^{\circ}49'07''$ – $106^{\circ}48'06''$  độ kinh Đông và  $10^{\circ}35'26''$ – $10^{\circ}12'20''$  độ vĩ Bắc, nằm trải dọc trên bờ Bắc sông Tiền với chiều dài trên 120 km. Toàn tỉnh có tổng diện tích tự nhiên là 2.509,3 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 0,75% diện tích cả nước.

Tiền Giang có địa hình tương đối bằng phẳng, đất phù sa trung tính, ít chua dọc sông Tiền, chiếm khoảng 53% diện tích toàn tỉnh, thích hợp cho nhiều loại giống cây trồng và vật nuôi. Bờ biển dài 32 km với hàng ngàn ha bãi bồi ven biển, có nhiều lợi thế trong nuôi trồng các loài thủy hải sản (nghêu, tôm, cua...) và phát triển kinh tế biển.

Khí hậu Tiền Giang chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 và mùa mưa từ tháng 5. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 27°C; lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 1,467mm; bão rất ít xảy ra ở Tiền Giang.

Các nguồn tài nguyên chủ yếu và quan trọng của tỉnh Tiền Giang là đất, nước; riêng tài nguyên khoáng sản rất hạn chế. Tài nguyên đất: Tiền Giang có địa hình bằng phẳng, với độ dốc <1% và cao trình biến thiên từ 0 đến 1,6 m so với mặt nước biển, phổ biến từ 0,8 đến 1,1m. Toàn bộ diện tích tỉnh nằm trong vùng hạ lưu châu thổ sông Cửu Long, bề mặt địa hình hiện tại và đất đai được tạo nên bởi sự lắng đọng phù sa sông Cửu Long. Đất đai màu mỡ, phù hợp với cây ăn trái đặc sản như: xoài Cát Hòa Lộc, bưởi lòng Cổ Cò (*Cái Bè*), sầu riêng Ngũ Hiệp (*Cai Lậy*), vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim (*Châu Thành*), thanh long (*Chợ Gạo*), khóm Tân Lập (*Tân Phước*), dưa hấu và Sơ ri (*Gò Công*)... và nhiều vùng chuyên canh trái cây đặc sản của tỉnh như: vùng trái cây ở Tân Phong, Ngũ Hiệp (*Cai Lậy*), Hòa Khánh, An Hữu, Mỹ Lương (*Cái Bè*), Thới Sơn (*TP. Mỹ Tho*)... Tài nguyên nước: Tiền Giang có trữ lượng nước mặt rất dồi dào, với 2 sông lớn chảy qua là sông Tiền, sông Vàm Cỏ và hệ thống kênh ngang, dọc tương đối phong phú, rất thuận lợi cho việc đi lại bằng phương tiện đường thủy và sử dụng nguồn nước mặt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Tiền Giang có nguồn nước ngọt ngầm với chất lượng khá tốt ở khu vực phía Tây và một phần khu vực phía Đông của tỉnh, nhưng phải khai thác ở độ sâu từ 200-500m; đây là một trong những nguồn nước sạch quan trọng, góp phần bổ sung nguồn nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất của nhân

dân, đặc biệt đối với những vùng bị nhiễm mặn, phèn... Tài nguyên khoáng sản: Tiền Giang có mỏ đất sét Tân Lập với trữ lượng hơn 6 triệu m<sup>3</sup>, chất lượng tốt, có thể sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, đồ gốm xuất khẩu và trên 1 triệu m<sup>3</sup> than bùn có thể làm phân vi sinh hữu cơ. Ngoài ra, còn có cát dọc sông Tiền với trữ lượng khá lớn, phục vụ cho san lấp mặt bằng và tài nguyên nước khoáng, nước nóng... Tài nguyên nhân văn và du lịch: Tiền Giang có tiềm năng lớn và thế mạnh để phát triển du lịch nhờ vào các di tích văn hóa lịch sử và sinh thái như: Gò Thành, Rạch Gầm-Xoài Mút, Ấp Bắc, lũy Pháo Đài; nhiều lăng mộ, đền chùa; các điểm du lịch sinh thái như: cù lao Thới Sơn, Ngũ Hiệp, Trại rắn Đồng Tâm, khu sinh thái Đồng Tháp Mười, biển Gò Công và chợ nổi Cái Bè nổi tiếng ở miền Tây Nam bộ.

## 2. Điều kiện kinh tế

### 2.1. Tăng trưởng và giá trị tăng thêm

Năm 2015, GRDP toàn tỉnh theo giá so sánh 2010 đạt 48.330,7 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP các năm 2011-2015 là 7,46%/năm, giai đoạn 2006-2010 là 9,6%/năm. Trong đó, GDP KV I tăng trưởng 4,63%/năm, giai đoạn 2006-2010 là 5,9%/năm; GDP KV II và III tăng trưởng lần lượt là 14,23%/năm và 10,4%/năm; 6,62%/năm và 13,0%/năm.

Năm 2015, GRDP toàn tỉnh xét về cơ cấu theo khu vực kinh tế thì KV I chiếm tỷ trọng 40,0%; KV II chiếm 25,4% và KV III chiếm 30,1%.

GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành không ngừng tăng lên, năm 2005 đạt 7,8 triệu đồng, năm 2010 đạt 20,1 triệu đồng, năm 2014 đạt 33,0 triệu đồng và năm 2015 đạt 35,9 triệu đồng.

**Bảng 1: Tăng trưởng và cơ cấu GDP**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2010	2014	2015	TĐTTBQ 2011-2015 (%/năm)
GRDP giáSS 2010	33.729,9	44.677,6	48.330,7	7,46
KV I	15.763,2	18.914,5	19.767,1	4,63
KV II	6.316,0	10.566,9	12.284,2	14,23
KV III	10.276,0	13.267,7	14.159,5	6,62
Thuế sản phẩm	1.374,7	1.928,5	2.119,9	9,05
GRDP giá HH	33.729,9	56.645,6	62.063,8	
<i>Cơ cấu</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	
<i>KV I</i>	<i>46,7</i>	<i>42,0</i>	<i>40</i>	
<i>KV II</i>	<i>18,7</i>	<i>23,3</i>	<i>25,4</i>	
<i>KV III</i>	<i>30,5</i>	<i>30,3</i>	<i>30,1</i>	
<i>Thuế sản phẩm</i>	<i>4,1</i>	<i>4,4</i>	<i>4,5</i>	
GDPBQ/người (triệu đ)	20,1	33,0	35,9	

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2013, 2015*

## **2.2. Thực trạng các ngành kinh tế**

Theo niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2015, giá trị sản xuất ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân là 5,9%/năm giai đoạn 2011-2015, cao hơn giai đoạn 2006-2010, đạt 5,3%/năm. Trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân là 6,1%/năm giai đoạn 2011-2015, cao hơn giai đoạn 2006-2010, đạt 4,8%/năm; tương ứng các giai đoạn trên, ngành lâm nghiệp giảm 9,3%/năm, trong khi giai đoạn 2006-2010 tăng 1,5%/năm; ngành thủy sản 15,6% năm thấp hơn giai đoạn trước, đạt 23,3%/năm. Năm 2015, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm 79,58% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, ngư nghiệp, ngành thủy sản chiếm 20,04%, ngành lâm nghiệp chiếm không đáng kể, 0,38%.

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp và xây dựng tăng trưởng bình quân 15,6%/năm giai đoạn 2011-2015, thấp hơn giai đoạn 2006-2010, đạt 23,3%/năm; trong đó ngành công nghiệp tăng trưởng 17,1%/năm, ngành xây dựng tăng 4,9%/năm giai đoạn 2011-2015; ngành công nghiệp chiếm 91,1%, ngành xây dựng chiếm 8,9% trong giá trị sản xuất ngành công nghiệp và xây dựng. Trong ngành công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến và chế tạo luôn là ngành chủ chốt của tỉnh chiếm tỷ trọng trên 99,0% năm 2015, trong khi năm 2010 chiếm 98,4%. Toàn tỉnh được quy hoạch 7 khu công nghiệp trong đó có 4 khu đã được thành lập và hoạt động, đến năm 2015 đã thu hút được 77 dự án trong đó 51 dự án đầu tư nước ngoài, thu hút và giải quyết việc làm cho 67.794 lao động. Toàn tỉnh có 4 cụm công nghiệp với 86 dự án đã đầu tư giải quyết việc làm cho 12.800 lao động.

Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân 7,4%/năm giai đoạn 2011-2015, thấp hơn giai đoạn 2006-2010, đạt 13,7%/năm. Trong ngành dịch vụ, giá trị sản xuất của ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng trưởng bình quân 12,5%/năm giai đoạn 2011-2015, cao hơn giai đoạn 2006-2010 đạt 5,0%; tương ứng mốc thời gian trên, ngành vận tải, kho bãi tăng trưởng 7,6%/năm và 9,9%/năm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 32,0%/năm và 18,3%/năm; ... Xét về cơ cấu, năm 2015, giá trị sản xuất của ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm tỷ trọng 4,2% trong giá trị sản xuất trên địa bàn, cao nhất trong khối ngành dịch vụ, tiếp đến là ngành hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 2,3%, dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 1,8%, vận tải, kho bãi chiếm 1,1%, nghệ thuật, vui chơi và giải trí chiếm 0,8%.v.v.

## **2.3. Thực trạng ngành thương mại**

### **2.3.1. Giá trị tăng thêm ngành thương mại**

Giá trị tăng thêm của ngành thương mại năm 2015 theo giá so sánh 2010 đạt 4.807,8 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 7,8%/năm, thấp hơn giai đoạn 2006-2010 đạt 13,8%/năm. Giá trị tăng thêm của ngành thương mại năm 2015, chiếm tỷ trọng 36,36% trong giá trị tăng thêm KV

III và 10,95% tổng GRDP; tỷ trọng tương ứng năm 2010 là 32,062% và 9,78%; năm 2005 là 27,08% và 8%.

**Bảng 2: Giá trị tăng thêm của ngành thương mại**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2010	2014	2015	TĐTTBQ 2011-2015 (%/năm)
Thương mại giá ss 2010	3.298,70	4.420,90	4.807,8	7,8
Thương mại giá HH	3.298,70	6.138,20	6.792,9	
Tỷ trọng trong KVIII	32,06	35,76	36,36	
Tỷ trọng trong tổng GDP	9,78	10,84	10,95	

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2013, 2015*

### 2.3.2. Tình hình lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh

#### - Nội thương

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2015 của tỉnh đạt 48.959 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 18,2%/năm, thấp hơn giai đoạn 2006-2010 đạt 18,9%/năm và cao hơn tăng trưởng bình quân cả nước, đạt 16,7%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân đầu người năm 2015 đạt 28,3 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 đạt 17,5%/năm.

**Bảng 3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và kim ngạch xuất - nhập khẩu**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng/triệu USD*

Chỉ tiêu	2010	2014	2015	TĐTTBQ 2011-2015 (%/năm)
1. Tổng MBLHH & DTDVTD	21.238	44.162	48.959	18,2
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	18.331	35,822,8	39,887,2	16,8
3. Cơ cấu	100	100	100	
Nhà nước	2,7	3,4	2,2	
Ngoài nhà nước	97,3	96,6	97,8	
4. MBLHH & DTDVTD BQ/người	12,7	25,7	28,3	17,5
5. Trị giá hàng xuất khẩu	571	1.656	1.758	25,2
6. Trị giá hàng nhập khẩu	219	860	1.106	38,2

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2013, 2015 và Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của UBND tỉnh Tiền Giang*

Mức bán lẻ hàng hóa chiếm tỷ trọng chủ yếu, trên 80% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Trong mức bán lẻ hàng hóa của tỉnh, kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu, trên 96%. Nguyên nhân do sự phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô kinh doanh của kinh tế ngoài nhà nước. Đến nay, kinh tế ngoài quốc doanh ngày càng khẳng định vị thế tuyệt đối trên lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh dịch vụ.

#### *- Xuất nhập khẩu*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh năm 2015 đạt 1.758 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 25,2%/năm, thấp hơn giai đoạn 2006 -2010 đạt 27,8%/năm, nhưng cao hơn tăng trưởng bình quân cả nước, đạt 22,3%/năm. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp, nông, thủy sản.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của tỉnh năm 2015 đạt 1.106 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 38,2%/năm, thấp hơn giai đoạn 2006-2010 đạt 47,9%/năm. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là tư liệu sản xuất, nguyên, nhiên vật liệu và hàng tiêu dùng.

### **3. Điều kiện xã hội**

#### **3.1. Dân số, cơ cấu và mật độ dân số**

Dân số trung bình tỉnh Tiền Giang đến năm 2015 đạt 1.728.679 người. Tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 0,6%/năm, cao hơn giai đoạn 2006 - 2010 đạt 0,33%/năm. Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng dân số đô thị bình quân đạt 1,58%/năm, thấp hơn giai đoạn 2006 - 2010 đạt 2,09%/năm, nông thôn đạt 0,42%/năm, nhanh hơn giai đoạn 2006 - 2010 đạt 0,05%/năm. Tốc độ tăng dân số nam giai đoạn 2011-2015 đạt 0,53%/năm, thấp hơn giai đoạn 2006 - 2010 đạt 0,63%/năm; tốc độ tăng dân số nữ đạt 0,66%/năm, cao hơn giai đoạn 2006 - 2010 đạt 0,05%/năm. Năm 2015, dân số nam chiếm tỷ trọng 49%, thấp hơn năm 2010, đạt 49,2%, cao hơn năm 2005, đạt 48,2%; dân số nữ chiếm 51%, cao hơn năm 2010, đạt 50,8% và thấp hơn năm 2005, đạt 51,5%.

Xét cơ cấu dân số theo địa phương thì năm 2015, dân số trung bình TP. Mỹ Tho chiếm tỷ trọng 13,09% tổng dân số trung bình toàn tỉnh, tốc độ tăng dân số giai đoạn 2011-2015 đạt 1,05%/năm, dân số nam chiếm tỷ trọng 49,5%; tương ứng với các chỉ số trên của thị xã Gò Công là 5,63%, 0,50%/năm và 49,0%; huyện Tân Phước là 3,45%, 1,11%/năm và 49,5%; huyện Cái Bè là 17,03%, 0,46%/năm và 48,9%; thị xã Cai Lậy là 7,17%, 0,52%/năm và 49,2%; huyện Cai Lậy là 11,04%, 0,52%/năm và 49,4%; huyện Châu Thành là 14,2%, 0,86%/năm và 49,2%; huyện Chợ Gạo là 10,32%, 0,3%/năm và 47,7%; huyện Gò Công Tây là 7,38%, 0,33%/năm và 47,7%; huyện Gò Công Đông là 8,3%, 0,4%/năm và 49,4%; huyện Tân Phú Đông là 2,4%, 0,48%/năm và 49,8%.

**Bảng 4: Dân số trung bình và cơ cấu***Đơn vị tính: người*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2010</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>TĐTTBQ 2011-2015 (%/năm)</b>
1. Tổng dân số trung bình	1.677.986	1.716.086	1.728.679	0,6
2. Phân theo thành thị, nông thôn				
Thành thị	246.590	264.374	266.672	1,58
Nông thôn	1.431.396	1.451.712	1.462.007	0,42
<i>Cơ cấu</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	
<i>Thành thị</i>	<i>14,7</i>	<i>15,4</i>	<i>15,4</i>	
<i>Nông thôn</i>	<i>85,3</i>	<i>84,6</i>	<i>84,6</i>	
3. Phân theo giới tính				
Nam	825.882	841.709	847.883	0,53
Nữ	852.104	874.377	880.796	0,66
<i>Cơ cấu</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	
<i>Nam</i>	<i>49,2</i>	<i>49,0</i>	<i>49,0</i>	
<i>Nữ</i>	<i>50,8</i>	<i>51,0</i>	<i>51,0</i>	

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2015*

Năm 2015, mật độ dân số tỉnh Tiền Giang 689 người/km<sup>2</sup>. Trong đó, mật độ dân số cao nhất là TP. Mỹ Tho 2.751 người/km<sup>2</sup>, thấp nhất là huyện Tân Phước 181 người/km<sup>2</sup>.

### **3.2. Lao động và thu nhập**

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc chiếm 77,8% lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên và chiếm 59,4% tổng dân số toàn tỉnh.

Tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh năm 2015 là 3,07% thấp hơn năm 2010 (3,15%). Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp nam là 2,36%, nữ là 3,85% thấp hơn năm 2010 (2,41% và 4%); tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị là 3,94%, ở nông thôn là 2,93%, thấp hơn năm 2010 (4,14% và 3,01%).

Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Tiền Giang luôn tăng trong thời gian qua, năm 2006 là 633,1 ngàn đồng/người/tháng, năm 2010 là 1.312,7 ngàn đồng/người/tháng, năm 2014 là 2.482,6 ngàn đồng/người/tháng, năm 2015 là 2.624,9 ngàn đồng/người/tháng, bằng 94,1% so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước, bằng 106,8% so với thu nhập bình quân đầu người của vùng ĐBSCL.

Tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 còn 3,8% thấp hơn so với năm 2014 (4,98%) và năm 2010 (10,96%).

#### **4. Đô thị và giao thông**

Tỉnh Tiền Giang hiện có 01 thành phố TP. Mỹ Tho, 02 thị xã (TX. Gò Công là trung tâm khu vực phía Đông của tỉnh và TX. Cai Lậy là trung tâm khu vực phía Tây của tỉnh) với 173 xã, phường, thị trấn (144 xã, 22 phường, 07 thị trấn).

Tiền Giang nằm trên các trục giao thông - kinh tế quan trọng như: QL1A, QL 50, QL 60, QL 30, đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương (Mỹ Tho) - Cần Thơ... nối TP. Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam bộ với các tỉnh ĐBSCL. Mặt khác, Tiền Giang còn có bờ biển và hệ thống các sông Tiền, sông Vàm Cỏ, sông Soài Rạp, kênh Chợ Gạo... nối liền các tỉnh ĐBSCL với TP. Hồ Chí Minh và là cửa ngõ ra biển Đông của các tỉnh ven sông Tiền và Campuchia. Nhờ vị trí hết sức thuận lợi nên tạo điều kiện cho Tiền Giang trở thành cửa ngõ của các tỉnh miền Tây về TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông cả ở đường bộ, đường sông và đường biển.

## **II. THỰC TRẠNG TIÊU THỤ, KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI GIAN QUA**

### **1. Thực trạng tiêu thụ thuốc lá thời gian qua**

Sản phẩm thuốc lá thuộc nhóm hàng hóa Nhà nước quy định kinh doanh có điều kiện, Nhà nước có khuyến cáo và tìm nhiều giải pháp để hạn chế việc tiêu dùng thuốc lá.

Vào những năm 1990, hoạt động nhập khẩu thuốc lá điếu và xì gà đã bị cấm ở Việt Nam và chỉ được cho phép hoạt động hợp pháp trở lại khi Việt Nam gia nhập WTO vào tháng 01/2007 (khi việc dỡ bỏ lệnh cấm là một phần cam kết của Việt Nam với WTO). Tuy nhiên, hoạt động nhập khẩu mặt hàng này chỉ được phép thông qua Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thuốc lá điếu đầu lọc mang nhãn hiệu Vinataba 1.000, KenNanotek Neo, Davidoff Gold, Davidoff Gold Slims và xì gà các loại. Tuy nhiên, trên thị trường Việt Nam, số lượng sản phẩm thuốc lá này chỉ chiếm 0,2% so với tổng sản lượng thuốc lá tiêu dùng toàn quốc, tập trung chủ yếu ở thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, thị trường Tiền Giang không đáng kể chỉ do khách du lịch tự đưa đến sử dụng. Sản phẩm thuốc lá tiêu thụ ở Việt Nam nói chung và tỉnh Tiền Giang nói riêng là thuốc lá điếu. Xì gà và thuốc lá sợi để hút tẩu... các doanh nghiệp trong nước không sản xuất và nhu cầu tiêu thụ không đáng kể.

Tổng lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trên địa bàn tỉnh năm 2015 là 72.096,5 ngàn gói. Tốc độ tăng lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ bình quân đạt 0,21%/năm trong giai đoạn 2011-2015, thấp hơn giai đoạn 2006-2010 (1,06%/năm). Lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ bình quân đầu người là 41,71 gói/năm. Tốc độ



tiêu thụ bình quân đầu người giảm 0,38%/năm trong giai đoạn 2011-2015, trong khi giai đoạn 2006-2010 tăng 0,72%/năm.

Tổng lượng thuốc lá tiêu thụ tăng nhẹ thời gian qua là do: thuốc lá là mặt hàng có chất gây nghiện và là nhu cầu, thói quen tiêu dùng của một bộ phận dân cư; do thu nhập, dân số tăng; do nhà sản xuất đa dạng hóa mặt hàng phù hợp với nhiều sở thích khác nhau của người sử dụng, phù hợp với khả năng thanh toán của các tầng lớp tiêu thụ và quan trọng là mạng lưới bán lẻ phát triển tự phát nên việc cung ứng thuốc lá dễ dàng, thuận tiện... Tuy nhiên, do Nhà nước thường xuyên chú trọng khuyến cáo, ban hành chính sách và các giải pháp để quản lý việc kinh doanh thuốc lá, không khuyến khích tiêu dùng, nhất là từ khi Luật phòng chống tác hại thuốc lá và các văn bản dưới luật có hiệu lực... một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh bỏ hoặc hạn chế tiêu thụ... nên sản lượng thuốc lá tiêu thụ và lượng thuốc lá tiêu dùng bình quân đầu người năm có xu hướng giảm nhẹ từ năm 2014.

**Bảng 5: Lượng tiêu thụ thuốc lá thời gian qua**

Chỉ tiêu	Đvt	2005	2010	2013	2014	2015
1. Tổng lượng thuốc lá tiêu thụ	1000 gói	67.671	71.328	73.809	73.041,7	72.096,5
2. Lượng thuốc lá BQ/người	gói	41,01	42,51	43,27	42,56	41,71
<b>TĐTTBQ</b>		2006-2010			2011-2015	
1. Tổng lượng thuốc lá tiêu thụ	%/năm		1,06			0,21
2. Lượng thuốc lá BQ/người	%/năm		0,72			-0,38

*Nguồn: Tổng hợp số liệu theo báo cáo của Sở Công Thương, Phòng Kinh tế và Kinh tế hạ tầng thành phố, thị xã, huyện và điều tra khảo sát, tính toán của nhóm nghiên cứu*

Cơ cấu sản phẩm thuốc lá tiêu thụ chủ yếu là thuốc lá nội, loại thấp và trung cấp giá từ trên 3.000 - 9.000 đồng/gói như: Khánh Hội, Bastion, Sài Gòn, Tây Đô, Fine, Five, Bastos, Fasol, Sài Gòn, Melia, Era, Hòa Bình Vitap, Cotab, King, Dona, Golden Deer... Thuốc lá trung, cao cấp trên 10.000 đồng/gói tập trung chủ yếu là Craven A, Mild Seven, 555, Everest, White Horse và thuốc lá ngoại nhập lậu như: Hero, Jet...

Thuốc lá ngoại nhập lậu chiếm tỷ trọng khoảng 18-20% trong lượng sản phẩm thuốc lá tiêu dùng trong tỉnh, tuy không lớn nhưng tỷ trọng vẫn không giảm trong thời gian qua. Đó là một phần do thuốc lá sản xuất trong nước phải in hình cảnh báo theo quy định của pháp luật, trong khi thuốc lá ngoại nhập

lậu không có hình cảnh báo, giá thấp so với thuốc lá nội, ... Mặt khác, dù Nhà nước rất chú trọng và quyết liệt chống buôn lậu thuốc lá nhưng tình trạng nhập lậu thuốc lá vẫn chưa giảm.

Người sử dụng sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh chủ yếu là nam giới, nữ giới không đáng kể. Họ có nghề nghiệp đa dạng, đủ loại, đủ các cấp độ và ngành nghề khác nhau như: nông dân, công nhân, bác sĩ, nhà giáo, kỹ sư .... Có khoảng 31-33% dân số nam tương ứng khoảng 15-16% dân số sử dụng sản phẩm thuốc lá; số lượng nữ giới sử dụng không đáng kể. Tỷ trọng người sử dụng hút thuốc lá so với dân cư giữa các địa phương và ở thành thị với nông thôn của tỉnh cũng như ở các địa phương trong tỉnh hầu như không khác biệt do thuốc lá có chất gây nghiện và là nhu cầu, thói quen tiêu dùng. Sự khác biệt chủ yếu là chủng loại thuốc lá, do thu nhập thấp nên tiêu thụ sản phẩm thuốc lá ở thị trường nông thôn chủ yếu là sản phẩm có chất lượng, giá thấp và trung cấp. Ước tính số người đang sử dụng thuốc lá của tỉnh khoảng 260 – 280 ngàn người. Trong đó, TP. Mỹ Tho khoảng 35-37 ngàn người; thị xã Gò Công khoảng 15-16 ngàn người; huyện Tân Phước khoảng 9-10 ngàn người; huyện Cái Bè khoảng 46-47 ngàn người; thị xã Cai Lậy khoảng 19-20 ngàn người; huyện Cai Lậy khoảng 29-31 ngàn người; huyện Châu Thành khoảng 38-40 ngàn người; huyện Chợ Gạo khoảng 27-28 ngàn người; huyện Gò Công Tây khoảng 19-20 ngàn người; huyện Gò Công Đông khoảng 22-23 ngàn người; huyện Tân Phú Đông khoảng 6,6-6,8 ngàn người.

Tổng doanh thu bán lẻ sản phẩm thuốc lá của tỉnh năm 2015 khoảng 400 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân doanh thu bán lẻ sản phẩm thuốc lá giai đoạn 2006-2015 là 5,6%/năm.

## **2. Thực trạng kinh doanh và phân bố mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

### ***2.1. Các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh***

Đến nay, toàn tỉnh có 07 đơn vị bán buôn sản phẩm thuốc lá (*gọi chung là doanh nghiệp*), bao gồm 01 công ty cổ phần (Công ty CP NGK Hoàng Long Mywaone - Thành phố Mỹ Tho), 05 doanh nghiệp tư nhân (DNTN Long Quân - Thị xã Cai Lậy, DNTN Tân Phú - Thị xã Gò Công, DNTN Quang Minh - huyện Cái Bè, DNTN Hoàng Sơn và DNTN TM-DV Thành Phát - Thành phố Mỹ Tho) và 01 hợp tác xã (HTX TMDV phường 1 - Thành phố Mỹ Tho).

Tổng diện tích kinh doanh thuốc lá của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá là 502 m<sup>2</sup>, trong đó 440 m<sup>2</sup> kho hàng; với 10 xe ô tô có năng lực vận chuyển là 20,5 tấn, cộng thêm hơn 40 xe gắn máy giao sản phẩm thuốc lá đến các cửa hàng, điểm, hộ cá thể, doanh nghiệp...(*gọi chung là thương nhân*) bán lẻ; và tổng số lao động chuyên trách là 38 người.

Các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá của tỉnh nhận hàng trực tiếp tại các nhà sản xuất thuốc lá trên toàn quốc như: Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, các công ty trực thuộc và liên doanh với tổng công ty sản xuất thuốc lá tại Hà Nội, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ..., Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn, Tổng công ty Khánh Việt (Khánh Hòa), Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương, Công ty Thuốc lá Tiền Giang ...; và các doanh nghiệp phân phối có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh như: công ty TNHH Thương mại Hoàng Đạo, công ty CP Hỏa Xa, công ty CP Đầu tư Thương mại Bến Thành, công ty TNHH MTV Thương mại Giang Anh, Công ty TNHH Thương mại Hoàng An, công ty TNHH Tân Trung Nhật, công ty TNHH Tiếp thị và Đầu tư Đông Dương, công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phú Thịnh, DNTN Vân Hậu, DNTN Lâm Kim Ngọc.v.v.; trụ sở tại Long An như: công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long, công ty TNHH MTV Thương mại Tám Tiền; trụ sở tại Tây Ninh: DNTN Song Tỷ; trụ sở tại Cà Mau: công ty TNHH Quảng Hà v.v.; với các sản phẩm thuốc lá đa dạng và phong phú như: 555, Mild seven, Craven A, Everest, White Horse, Bastion, Fine, Five, Bastos, Fasol, Sài Gòn, Tây Đô, Khánh Hội, Melia, Era, Hòa Bình Vitap, Cotap, King, Dona, Golden Deer.v.v.

Các doanh nghiệp bán buôn của tỉnh bán sản phẩm thuốc lá trực tiếp cho các thương nhân bán lẻ trong tỉnh. Các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh ngoài mua sản phẩm thuốc lá trực tiếp của doanh nghiệp bán buôn trong tỉnh còn mua lại của các thương nhân bán lẻ khác ở trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, các chợ... Như vậy, các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá cũng tham gia hoạt động bán buôn sản phẩm thuốc lá, tuy nhiên quy mô mua bán nhỏ, khối lượng giao dịch không lớn.

## ***2.2. Các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh***

Qua điều tra khảo sát hầu hết các cửa hàng tạp hóa, nhà hàng, quán nhậu, quán cà phê, các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Với khoảng 40% cơ sở bán buôn, bán lẻ kinh doanh tạp hóa và 40% cơ sở ăn uống lưu trú là nhà hàng, quán nhậu, quán cà phê và khách sạn, nhà nghỉ... Cho thấy toàn tỉnh có 15.096 thương nhân, điểm, cửa hàng, nhà hàng, quán.v.v. (*gọi chung là thương nhân*) bán lẻ sản phẩm thuốc lá, trong đó có 689 thương nhân đã được cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, chiếm 4,6% tổng thương nhân đang thực tế kinh doanh. Ngoài ra, vẫn còn có hàng ngàn cửa hàng tạp hóa, nhà hàng, quán cà phê... bán thuốc lá với quy mô rất nhỏ hoặc bán thuốc lá không thường xuyên, khi khách có nhu cầu, mua về phục vụ.

Xét về cơ cấu mạng lưới thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá có giấy phép theo huyện, thị xã, thành phố so với toàn tỉnh thì TP. Mỹ Tho chiếm 7,8%, TX. Gò Công chiếm 10,2%, huyện Tân Phước chiếm 6,1%; huyện Cái Bè chiếm

13,5%, TX. Cai Lậy chiếm 2,0%, huyện Cai Lậy chiếm 9,1%, huyện Châu Thành chiếm 18,6%, huyện Chợ Gạo chiếm 11,9%, huyện Gò Công Tây chiếm 9,0%, huyện Gò Công Đông chiếm 8,3%, huyện Tân Phú Đông chiếm 3,5%.

**Bảng 6: Mạng lưới thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh**

stt	Địa bàn	Tổng số (thương nhân)	Số có giấy phép (thương nhân)	Số thương nhân /xã, phường, thị trấn	Bán kính phục vụ (km)	Dân số/ thương nhân (người)
	<b>Tỉnh Tiền Giang</b>	15.096	689	87,3	0,23	115
1	TP. Mỹ Tho	2.653	54	156,1	0,10	85
2	TX. Gò Công	856	70	71,3	0,19	114
3	H. Tân Phước	528	42	40,6	0,45	113
4	H. Cái Bè	2.949	93	118,0	0,21	100
5	TX. Cai Lậy	1.391	14	86,9	0,18	89
6	H. Cai Lậy	1.661	63	103,8	0,24	115
7	H. Châu Thành	1.941	128	84,4	0,19	126
8	H. Chợ Gạo	1.135	82	59,7	0,25	157
9	H. Gò Công Tây	710	62	54,6	0,29	180
10	H. Gò Công Đông	1.040	57	80,0	0,29	138
11	H. Tân Phú Đông	232	24	38,7	0,55	179

*Nguồn: Tổng hợp số liệu theo niên giám thống kê, báo cáo của Sở Công Thương, Phòng Kinh tế và Kinh tế hạ tầng thành phố, thị xã, huyện và điều tra khảo sát, tính toán của nhóm nghiên cứu*

Các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá được phân bố rải khắp trên địa bàn tỉnh, trong các trung tâm mua bán, chợ, đường phố, hẻm. Bán kính phục vụ của thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tới người tiêu thụ bình quân toàn tỉnh là 0,23 km, cao nhất là huyện Tân Phú Đông 0,55 km, thấp nhất là thành phố Mỹ Tho là 0,1 km; bình quân toàn tỉnh có 87,3 thương nhân trên 1 đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, cao nhất là thành phố Mỹ Tho 156,1, thấp nhất là huyện Tân Phước 38,7; tính góc độ mật độ cửa hàng trên dân số thì toàn tỉnh bình quân 115 người dân có 01 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá, trong đó, thành phố Mỹ Tho mật độ dày nhất, cứ 85 người có 1 thương nhân bán lẻ thuốc lá, huyện Gò Công Tây mật độ thấp nhất, cứ 180 người có 1 thương nhân bán lẻ thuốc lá.

Theo báo cáo của Phòng Kinh tế và Kinh tế hạ tầng thành phố, thị xã, huyện các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá được cấp giấy phép đều đủ điều kiện.

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy trong số những thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá chưa được cấp giấy phép có khoảng 10% không đủ điều kiện được cấp giấy phép theo quy định của pháp luật. Đó là những thương nhân kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch; những thương nhân bán lẻ thuốc lá cách nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường 100m.

Hầu hết các thương nhân bán lẻ có giấy phép nhận hàng từ các doanh nghiệp bán buôn của tỉnh. Các thương nhân bán lẻ chưa có giấy phép cũng nhận hàng từ các thương nhân bán buôn trong tỉnh, ngoài ra, nhận hàng từ các thương nhân bán lẻ khác... và gần đây hầu hết các thương nhân này không công khai trưng bày bán thuốc lá nhập lậu, nhưng vẫn bán thuốc lá khi khách có yêu cầu.

### **III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **1. Hệ thống văn bản pháp lý của Nhà nước có liên quan đến việc phát triển mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

Các văn bản quy phạm pháp luật về sản xuất và kinh doanh thuốc lá đã được ban hành từ rất sớm thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đến việc quản lý đối với mặt hàng này. Có những quy định trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc hạn chế kinh doanh, tiêu thụ và sử dụng thuốc lá dưới các hình thức khác nhau như: Bộ Luật Hình sự năm 1999, Bộ Luật Dân sự năm 2005, Luật Thương mại năm 2005, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Quảng cáo năm 2012, Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012... Trong đó, văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến việc sản xuất và kinh doanh thuốc lá hiện nay là Luật số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2013 Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được ban hành thay thế cho Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28/01/2011 của Bộ Công Thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá (Thay thế Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá). Theo đó, điều kiện cấp giấy phép mua bán

sản phẩm thuốc lá có sự thay đổi theo hướng chi tiết, cụ thể, rõ ràng hơn và đòi hỏi điều kiện cao hơn như phân định rõ doanh nghiệp phân phối, bán buôn, bán lẻ; quy định cụ thể về điều kiện để cấp giấy phép đối với doanh nghiệp phân phối, bán buôn là vốn, diện tích kho, phương tiện vận tải, trang thiết bị; và quy định diện tích kinh doanh thuốc lá, trang thiết bị để cấp giấy phép đối với thương nhân bán lẻ...

## **2. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước đối với kinh doanh bán buôn bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ trên các văn bản quy phạm pháp luật về thuốc lá, trong thời gian qua, tỉnh Tiền Giang nói chung, UBND các cấp, các Sở Công Thương, Y tế, Giáo dục.v.v. luôn chú trọng tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan các quy định về kinh doanh, tiêu thụ thuốc lá; Các cơ quan Nhà nước của tỉnh đều treo biển cơ quan không khói thuốc...

Sở Công Thương - cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh - thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thương mại đối với các thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn, trong đó thuốc lá thuộc nhóm hàng hóa Nhà nước quy định kinh doanh có điều kiện. Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp, thương nhân kinh doanh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về kinh doanh thuốc lá. Chi cục Quản lý thị trường cùng với các thành viên trong Ban Chỉ đạo 127 của tỉnh, thành phố, thị xã, huyện (*Nay là Ban Chỉ đạo 389*) phối hợp kiểm tra nhằm ngăn chặn, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật và kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Nhìn chung, bước đầu đã có tác dụng ngăn chặn, hạn chế những hành vi vi phạm trong hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, nhất là việc mua bán sản phẩm thuốc lá nhập lậu.

Việc cấp giấy phép của các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh, huyện, thị, thành phố Mỹ Tho đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và khá đơn giản tạo điều kiện thuận lợi cho các thương nhân tham gia thị trường đúng theo quy định của pháp luật.

Dù vậy, so với số thương nhân bán lẻ thuốc lá thực tế thì số giấy phép đã cấp đạt mức thấp trên phạm vi toàn tỉnh nói chung và các địa phương nói riêng. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thực chấp hành pháp luật của các thương nhân bán lẻ thuốc lá còn thấp; việc thực thi pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước chưa cao. Các thương nhân bán lẻ thuốc lá chủ động đề nghị và đã được cấp giấy phép một phần do được tuyên truyền, tự ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của họ, và phần lớn là do được lực lượng quản lý thị trường kiểm tra nhắc nhở. Đây là tình trạng chung của đa số các tỉnh, thành phố trên cả nước không riêng của Tiền Giang. Khó có thể đánh giá cơ quan quản lý của địa phương nào tốt hơn bằng tỷ trọng số lượng thương nhân bán lẻ thuốc lá được cấp phép so với thực tế. Bởi vì kết quả này đòi hỏi đồng bộ các giải pháp và sự chung tay của nhiều ngành

cấp mà trong đó công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của mọi người đối với pháp luật; công tác kiểm tra, nhắc nhở xử phạt đóng vai trò rất quan trọng.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI GIAN QUA**

##### **1. Những mặt đạt được**

- Xét theo khía cạnh cung cầu thị trường thì mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang phát triển khá nhanh trong những năm gần đây. Cung ứng sản phẩm thuốc lá ngày càng phong phú, đa dạng về phương thức, về mặt hàng cả số, chất lượng, giá cả đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của bộ phận dân cư tiêu dùng thuốc lá, góp phần tăng lưu chuyển hàng hóa, tăng thu nhập cho các doanh nghiệp, hộ kinh tế cá thể và giải quyết việc làm, tạo thu nhập phục vụ đời sống cho một bộ phận người lao động.

- Quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá có chuyển biến theo hướng tích cực hơn. Các cơ quan quản lý nhà nước bước đầu đã thực hiện tốt chức năng tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn chính sách, pháp luật, quy hoạch, định hướng kế hoạch phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Việc phối hợp giữa các ngành có chức năng liên quan cũng như hoạt động tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, góp phần thiết lập trật tự kỷ cương trong hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá cũng bước đầu có hiệu quả; tệ nạn buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trong lĩnh vực thuốc lá đã bước đầu được ngăn chặn.

- Việc phân cấp trong công tác cấp giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp bán buôn và thương nhân bán lẻ có thể đăng ký và được cấp phép ngay tại địa phương; tạo thuận lợi trong công tác quản lý, kiểm tra hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp, hộ kinh tế cá thể, từng bước đưa hoạt động kinh doanh thuốc lá trên phạm vi toàn tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật.

- Các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh rất nghiêm túc thực thi quy định của Nhà nước không hút thuốc trong cơ quan; khuyến khích công chức, viên chức hạn chế hút thuốc lá, không hút thuốc lá nhập lậu.v.v. cũng góp phần rất lớn làm hạn chế kinh doanh, góp phần vào phòng chống tác hại của thuốc lá.

##### **2. Những hạn chế, tồn tại**

- Thuốc lá là sản phẩm không có giá trị dinh dưỡng, ngược lại, chứa các chất độc hại có khả năng gây nhiều bệnh nguy hiểm như: tim mạch, loãng xương, ung thư phổi,... Hút thuốc lá có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe người hút và cộng đồng dân cư. Hút thuốc lá còn gây ra những tổn thất lớn về kinh tế cho từng gia đình và toàn xã hội, chỉ riêng năm 2015, ước tính những người sử dụng thuốc lá của tỉnh tiêu tốn gần 0,74% thu nhập của dân cư và gần 0,65% GRDP.

- Mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá mang tính chất tự phát, quy mô nhỏ lẻ; sản phẩm thuốc lá được bán kèm thêm với các mặt hàng khác ở các cửa hàng tạp hóa, các nhà hàng, quán ăn, uống; còn có nhiều thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá không có đăng ký kinh doanh, không có địa điểm kinh doanh cố định; không biết hoặc không tự giác xin cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; cũng còn có thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp phép nhưng khi giấy phép hết hạn vẫn tiếp tục kinh doanh mà không làm thủ tục cấp đổi giấy phép.v.v.

- Các doanh nghiệp bán buôn bán sản phẩm thuốc lá cho cả các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá không có giấy phép và ngược lại các thương nhân bán lẻ mua sản phẩm thuốc lá không đúng doanh nghiệp bán buôn trong giấy phép, chưa thiết lập được mối liên hệ lâu dài với thương nhân bán buôn, sản phẩm thuốc lá qua nhiều tầng nấc trung gian... làm giảm hiệu quả kinh doanh, nhưng quan trọng hơn là gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc ngăn chặn tình trạng kinh doanh thuốc lá nhập lậu.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá chưa được chú trọng. Có doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá kho chung với nhà ở. Hầu hết, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá vốn ít, kinh doanh chung với các mặt hàng khác nên không có diện tích riêng cho kinh doanh sản phẩm thuốc lá, không có trang thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm... theo quy định.

- Một số doanh nghiệp bán buôn và các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá chấp hành chưa nghiêm về chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật, nên công tác quản lý nhà nước về kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nhất là công tác báo cáo thực trạng mua bán thuốc lá gặp nhiều khó khăn.

- Tình trạng tiếp thị thuốc lá trực tiếp đến người tiêu dùng; trưng bày thuốc lá; bán không đúng đối tượng... cũng chưa thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

- Tuy là tỉnh không có đường biên giới, nhưng thuốc lá nhập lậu vẫn dễ dàng thâm nhập vào thị trường thuốc lá của tỉnh bằng con đường của các tỉnh lân cận có đường biên giới với Campuchia; tình trạng kinh doanh thuốc lá nhập lậu bớt công khai hơn nhưng vẫn phổ biến, kể cả các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá có giấy phép. Nguyên nhân do chưa am hiểu pháp luật nên vô tình vi phạm pháp luật; do thuốc lá nhập lậu lãi cao hơn thuốc lá nội; do thuốc lá nhập lậu không có hình ảnh cảnh báo; do nhu cầu thuốc lá nhập lậu của một bộ phận người tiêu dùng còn lớn và cơ bản là do công tác quản lý thị trường về ngành hàng này vẫn còn chưa chặt chẽ .v.v. Mặc dù, các cơ quan chức năng nhất là các đội quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang và Ban 389 của tỉnh thường xuyên kiểm tra về kinh doanh sản phẩm thuốc lá của các hộ kinh tế cá thể và phát hiện hàng trăm vụ vi phạm pháp luật. Lỗi chủ yếu tập trung vào các hành vi: kinh doanh sản phẩm thuốc lá không phép; buôn bán thuốc lá nhập



lậu. Hình thức xử phạt là tịch thu thuốc lá nhập lậu, xử phạt tiền. Việc kiểm tra, kiểm soát, xử phạt đã góp phần làm cho các hộ kinh tế cá thể muốn tiếp tục bán lẻ sản phẩm thuốc lá đều phải tự giác đăng ký để được cấp phép theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các hành vi phát hiện, xử phạt vi phạm còn khá khiếm tốn. Cụ thể: năm 2014, TP. Mỹ Tho có 30 vụ vi phạm bán thuốc lá lậu, tịch thu trên 1.500 gói, phạt gần 60 triệu đồng; huyện Cai Lậy 44 vụ vi phạm bán thuốc lá lậu, tịch thu trên 800 gói, phạt gần 40 triệu đồng; huyện Chợ gạo 39 vụ; huyện Tân Phước 13 vụ; huyện Gò Công Đông có 1 vụ không có giấy phép.v.v. Nguyên nhân chủ yếu do các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá quy mô nhỏ, khả năng tài chính thấp nên khó khăn cho việc thi hành mức xử phạt theo quy định hiện hành, vì vậy, gặp những trường hợp này, các cơ quan có thẩm quyền sau khi kiểm tra, phát hiện sai phạm của các thương nhân chỉ cảnh cáo, nhắc nhở, nương tay, không kiên quyết xử phạt...

### **3. Những vấn đề cơ bản đặt ra cần giải quyết trong việc phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

Thực trạng mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá đặt ra vấn đề cần giải quyết đối với việc quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá giai đoạn quy hoạch trên địa bàn tỉnh cụ thể là:

- Từng bước khắc phục tình trạng bán lẻ sản phẩm thuốc lá không giấy phép và bán thuốc lá lậu trên địa bàn tỉnh.

- Cấp giấy phép và phân bố mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh hợp lý, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của một bộ phận dân cư, song không khuyến khích tiêu dùng. Tuy nhiên, chỉ cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho các thương nhân đáp ứng đủ điều kiện quy định của pháp luật và tuân thủ quy hoạch.

- Thiết lập mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá chấp hành nghiêm túc quy định của Nhà nước về kinh doanh sản phẩm thuốc lá không chỉ để được cấp giấy phép mà phải trong suốt thời gian kinh doanh, nhằm hạn chế kinh doanh, tạo thuận lợi hơn trong công tác quản lý nhà nước về kinh doanh thuốc lá, góp phần vào phòng chống tác hại thuốc lá.

**PHẦN HAI**  
**DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN  
LẺ CÁC SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH**

**I. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MẠNG LƯỚI BÁN  
BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

Căn cứ vào Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Tiền Giang 5 năm 2016-2020. Theo đó:

***1.1. Mục tiêu tổng quát***

Phát triển kinh tế Tiền Giang với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Đến năm 2020, phấn đấu xây dựng Tiền Giang trở thành một trong những tỉnh đi đầu về phát triển kinh tế - xã hội trong vùng ĐBSCL, là một cực phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh phát triển mạnh về kinh tế, là một đầu mối phát triển dịch vụ vận tải, du lịch của vùng ĐBSCL; có hệ thống kết cấu hạ tầng tiến tới đồng bộ và từng bước hiện đại; đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, có nền văn hóa lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

***1.2. Mục tiêu cụ thể***

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm thời kỳ 2016-2020 tăng 8,5-9,5%/năm (giá so sánh 2010); trong đó, khu vực nông- lâm- ngư nghiệp tăng 4%, khu vực công nghiệp- xây dựng tăng 15,5-17,5%/năm, khu vực dịch vụ tăng 7,5-8,6%/năm. Đến năm 2020, tổng GRDP (theo giá hiện hành) đạt 119.020-124.550 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: tỷ trọng nông- lâm- ngư nghiệp chiếm 31,3-32,7%; công nghiệp- xây dựng chiếm 32,3-33,6%; dịch vụ chiếm 34,9-35,1% trong tổng GRDP.

- Thu nhập bình quân đầu người (giá thực tế) năm 2020 đạt 66,3-69,3 triệu đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 3,4 tỷ USD, tăng bình quân 13,3%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Tốc độ phát triển dân số trung bình khoảng 0,8%/năm, dân số đến năm 2020 đạt 1.800.000 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 30-35%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 3% vào năm 2020, bình quân mỗi năm giảm khoảng 0,5% giai đoạn 2016-2020 (chuẩn nghèo áp dụng theo quy định hiện hành).
- Phân đầu tỷ lệ số xã cơ bản đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới là 50% vào năm 2020.
- Định hướng đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 9,5-10,5%/năm thời kỳ 2021-2030. GRDP năm 2030 (giá so sánh 2010) tăng khoảng 2,7 lần so với năm 2020. Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 10.300 – 11.900 USD. Quy mô dân số năm 2030 đạt 1.911 ngàn người.v.v.

### ***1.3. Phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ***

#### **- Nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp**

**Nông nghiệp:** Tập trung xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất cây trồng và vật nuôi chủ lực có lợi thế cạnh tranh; huy động hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh triển khai ứng dụng khoa học công nghệ nhằm xây dựng tiêu chuẩn nuôi trồng và nâng cao hàm lượng công nghệ trong sản phẩm, từng bước xây dựng phát triển các khu, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị từ canh tác, chế biến đến tiêu thụ.

**Lâm nghiệp:** Quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống rừng phòng hộ ven biển 3.146 ha, rừng phòng hộ sinh thái Đồng Tháp Mười là 549 ha và rừng sản xuất 6.012 ha. Triển khai dự án gây bồi tại vùng bãi triều nhằm mở rộng đất rừng phòng hộ. Trồng rừng mới 1.530 ha cho giai đoạn 2016-2020. Trồng cây phân tán bình quân 2,3-2,4 triệu cây/năm. Nâng cao nguồn thu từ các giá trị môi trường thông qua cơ chế phát triển sạch, du lịch sinh thái, phòng hộ chống xói lở bờ biển.

**Thủy sản:** tập trung xây dựng các vùng nuôi cá tra, tôm nước mặn, lợ với tỷ lệ thâm canh thích hợp, khai thác nghề, sò; gia tăng hiệu quả khai thác thủy hải sản theo hướng tăng tỷ trọng đánh bắt xa bờ và nâng cao chất lượng thủy hải sản đánh bắt kết hợp với bảo vệ an ninh quốc gia trên biển; tích cực bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa và ven bờ. Xây dựng phát triển vùng nuôi tôm nước mặn, lợ - một vụ lúa nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp thích nghi với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, đảm bảo hiệu quả và bền vững.

#### **- Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp**

+ Tiếp tục phát triển công nghiệp, tạo đột phá cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Trong đó tập trung vào các ngành chế biến nông, lâm sản, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Làm thay đổi cơ cấu của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp.

+ Đến năm 2020, tỉnh sẽ có 7 khu công nghiệp và 27 cụm công nghiệp với tổng diện tích 3.085 ha. Định hướng trong giai đoạn tới sẽ tiếp tục hoàn chỉnh hạ

tầng và thu hút đầu tư để lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp 4 khu công nghiệp; đồng thời tiếp tục triển khai thêm 3 khu, 23 cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện, thị.

#### **- Thương mại và dịch vụ**

+ Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có thế mạnh của tỉnh như du lịch, bán buôn, bán lẻ các mặt hàng nông sản, thủy hải sản. Tiếp tục mở rộng thị trường hàng hóa và cung cấp dịch vụ đến các vùng nông thôn.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ bưu chính viễn thông nhằm hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin cho nhân dân; chú trọng đưa cả dịch vụ viễn thông về nông thôn. Đẩy mạnh các dịch vụ tín dụng, ngân hàng đáp ứng tốt nhu cầu vốn đầu tư phát triển.

+ Tập trung xây dựng 4 trung tâm thương mại tại khu vực TP. Mỹ Tho, Gò Công, Cai Lậy, Cai Bè; đặc biệt từng bước phát triển hình thành đô thị - dân cư - thương mại - dịch vụ - khoa học kỹ thuật Trung Lương phục vụ khu vực Bắc ĐBSCL và gắn liền với các khu, cụm công nghiệp chủ yếu của tỉnh.

+ Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mạng lưới các chợ trung tâm, chợ đầu mối, các bến hàng hóa, bến ghe thuyền... tạo điều kiện phát triển cho kinh tế hàng hóa, tăng thu nhập và mở rộng nguồn thu cho ngân sách. Ưu tiên phát triển chợ ở vùng ven đô thị, những vùng đô thị mới hình thành gắn với việc xây dựng và hình thành trung tâm hành chính - kinh tế - văn hóa - xã hội.

+ Tập trung phát triển các dịch vụ hỗ trợ sản xuất như: dịch vụ cảng biển, logistics, viễn thông quốc tế, dịch vụ thông tin tư vấn, dịch vụ tài chính, ngân hàng...

+ Phát triển du lịch đặt trong tổng thể du lịch vùng ĐBSCL, Đông Nam Bộ và cả nước, mà trước hết là gắn với tam giác du lịch phía Nam và địa bàn KTTĐ phía Nam (TP. Hồ Chí Minh - Bà Rịa Vũng Tàu - Đà Lạt). Phấn đấu đến năm 2020 lượng khách du lịch đạt khoảng 2-2,2 triệu người, trong đó khách quốc tế đạt khoảng 1 triệu người.

+ Khuyến khích phát triển các dịch vụ sau: dịch vụ vận tải và logistics, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... dịch vụ cải tiến kỹ thuật, dịch vụ pháp luật, dịch vụ thông tin, chuyên giao công nghệ, dịch vụ văn hóa - vui chơi nghỉ cuối tuần.

#### ***1.4. Phát triển đô thị và giao thông***

##### ***1.4.1. Về đô thị và vùng phát triển***

- Vùng kinh tế - đô thị trung tâm: Bao gồm TP. Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo và huyện Châu Thành. Trong đó TP. Mỹ Tho vừa là đô thị trung tâm vùng tỉnh Tiền Giang, vừa là đô thị vệ tinh cực phát triển phía Tây Nam vùng TP. Hồ Chí Minh, cực phát triển phía Bắc của vùng ĐBSCL. Nghiên cứu từng bước hình thành TX. Tân Hiệp trên cơ sở tách ra từ huyện Châu Thành.

- Vùng kinh tế - đô thị phía Đông: Bao gồm TX. Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông là vùng phát triển năng động thứ hai của tỉnh Tiền Giang, trong đó TX. Gò Công là đô thị hạt nhân.

- Vùng kinh tế - đô thị phía Tây: Bao gồm TX. Cai Lậy, huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè, huyện Tân Phước, trong đó TX. Cai Lậy là đô thị hạt nhân.

- Định hướng phát triển đô thị

+ Đô thị trung tâm vùng: Tập trung đầu tư, thu hút đầu tư phát triển 3 đô thị trung tâm 3 vùng của tỉnh: TP. Mỹ Tho đô thị loại I, TX Gò Công, TX Cai Lậy đô thị loại III.

+ Đô thị trung tâm huyện: cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang thu hút đầu tư phát triển 2 đô thị loại IV (Cái Bè, Tân Hiệp), 6 đô thị loại V (Chợ Gạo, Mỹ Phước, Tân Hòa, Vĩnh Bình, thành lập mới thị trấn Tân Phú Đông, Bình Phú). Nghiên cứu quy hoạch và đầu tư phát triển thị trấn Long Định trở thành trung tâm huyện lỵ mới của huyện Châu Thành và từng bước hình thành TX. Tân Hiệp.

+ Thị trấn trung tâm khu vực: gồm 1 đô thị loại IV (thị trấn Vàm Láng), thành lập mới 5 đô thị loại 5 (Vĩnh Kim, Long Định, Bến Tranh, An Hữu, Thiên Hộ).

+ Thị tứ: phát triển 30-40 thị tứ với quy mô dân số từ 2000 – 4000 dân/thị tứ gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới.

+ Định hướng phát triển năm 2030, đô thị Tiền Giang được gắn kết chặt chẽ trong tổng thể phân bố không gian tỉnh, TP. Mỹ Tho đóng vai trò vừa là đô thị hạt nhân của vùng, tỉnh Tiền Giang vừa là đô thị vệ tinh vùng đô thị hạt nhân cực phát triển phía Tây Nam vùng TP. Hồ Chí Minh. TP. Mỹ Tho là đô thị cửa ngõ, trung chuyển giữa hai đô thị trung tâm vùng TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ là đô thị hạt nhân, đầu tàu về phát triển kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ mới của các tỉnh phía Bắc sông Tiền.

#### *1.4.2. Phát triển mạng lưới giao thông*

- Mạng lưới đường bộ: từng bước đầu tư xây dựng mới, đầu tư nâng cấp, đồng bộ hệ thống đường bộ trung ương, hệ thống giao thông đường bộ địa phương đảm bảo tính liên kết, liên thông để tăng cường năng lực vận chuyển lưu thông hàng hóa đường bộ từ các đô thị đến vùng nông thôn, đến các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

- Mạng lưới đường thủy: tập trung cải tạo, chỉnh trị một số tuyến đường quan trọng trên địa bàn tỉnh; nâng cấp và xây dựng mới các cảng, bến hàng hóa, tổng hợp.

## 2. Dự báo dân số, lao động, việc làm và thu nhập dân cư

### 2.1. Dự báo dân số và cơ cấu

Trên cơ sở dân số của tỉnh năm 2015, định hướng phát triển dân số của tỉnh theo quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang 5 năm 2016-2020, dự báo dân số tỉnh Tiền Giang năm 2020 và 2025 lần lượt là 1,8 triệu người và 1,854 triệu người. Tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 lần lượt đạt 0,81%/năm và 0,6%/năm. Trong đó, dân số thành thị đạt tăng trưởng bình quân 15,19%/năm và 3,75%/năm; dân số nông thôn giảm bình quân 2,9%/năm và 0,88%/năm; dân số nam tăng trưởng bình quân 1,1%/năm và 0,62%/năm; nữ tăng trưởng bình quân 0,53%/năm và 0,58%/năm; cơ cấu dân số thành thị chiếm 30% và 35%; nông thôn 70% và 65%; dân số nam chiếm 49,7% nữ chiếm 50,3%.

**Bảng 7: Dự báo dân số trung bình và cơ cấu**

*Đơn vị tính: người*

Chỉ tiêu	2015	2020	2025	TĐTTBQ (%/năm)	
				2016-2020	2021-2025
1. Tổng dân số trung bình	1.728.679	1.800.000	1.854.652	0,81	0,6
2. Phân theo thành thị, nông thôn					
Thành thị	266.672	540.000	649.128	15,16	3,75
Nông thôn	1.462.007	1.260.000	1.205.524	-2,93	-0,88
3. Phân theo giới tính					
Nam	847.883	894.600	922.689	1,08	0,62
Nữ	880.796	905.400	931.963	0,55	0,58

*Nguồn: Niên giám thống kê Tỉnh Tiền Giang năm 2014 và Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*

Do mục tiêu phát triển dân số của các huyện, thị và thành phố Mỹ Tho theo Nghị quyết Đảng bộ và quy hoạch kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã, thành phố có sự chênh lệch khá lớn so với mục tiêu phát triển dân số của tỉnh, vì vậy dân số các huyện, thị và thành phố được dựa trên dân số năm 2015 và mục tiêu dân số của tỉnh đến năm 2020 và dự báo đến năm 2025. Theo đó đến năm 2020 và 2025 dân số TP. Mỹ Tho là 235.593 và 242.746 người; thị xã Gò Công là 101.415 và 104.495 người; huyện Tân Phước là 62.107 và 63.993 người; huyện Cái Bè là 306.492 và 315.798 người; thị xã Cai Lậy là 128.971 và 132.887 người; huyện Cai Lậy là 198.1759 và 204.794 người; huyện Châu Thành là 255.649 và 263.411

người; huyện Chợ Gạo là 185.394 và 191.023 người; huyện Gò Công Tây là 132.768 và 136.799 người; huyện Gò Công Đông là 149.575 và 154.116 người; huyện Tân Phú Đông là 43.278 và 44.592 người.

## **2.2. Dự báo lao động, việc làm và thu nhập dân cư**

Đến năm 2020, lao động trong độ tuổi khoảng 1.170 ngàn lao động, chiếm 64,5% dân số; giai đoạn từ nay đến năm 2020 mỗi năm tạo việc làm khoảng 18-19 ngàn lao động. Đến năm 2025, lao động trong độ tuổi là khoảng 1.314 ngàn lao động; giai đoạn 2021-2025 mỗi năm tạo việc làm khoảng 14-15 ngàn lao động.

Cùng với sự phát triển chung của các ngành kinh tế, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh sẽ tăng, đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt 66,3-69,3 triệu đồng/người và 120-130 triệu đồng/người/năm 2025.

## **II. DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Xu hướng phát triển nguồn cung ứng sản phẩm thuốc lá Việt Nam**

Theo Quyết định số 1988/QĐ-BCT ngày 01/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá Việt Nam đến năm 2020 thì mục tiêu đến năm 2020 toàn ngành sản xuất và tiêu thụ được 5.740 triệu gói, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 1,08%/năm, trong đó thuốc lá sản xuất và tiêu thụ trong nước là 4.400 triệu gói, tăng trưởng bình quân 0,93%/năm. Sản xuất xuất khẩu đạt 1.340 triệu gói, kim ngạch xuất khẩu đạt 230 triệu USD. Cơ cấu sản phẩm: giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông còn 45%; tăng dần tỷ trọng thuốc lá trung cấp lên và cao cấp lên 55%.

Dự báo đến năm 2025 toàn ngành sản xuất và tiêu thụ được 6.056 triệu gói, trong đó thuốc lá sản xuất và tiêu thụ trong nước là 4.480 triệu gói tăng trưởng thấp hơn giai đoạn trước đạt bình quân 0,37%/năm. Sản xuất xuất khẩu đạt 1.576 triệu gói. Tỷ trọng thuốc lá phổ thông còn 40%, tỷ trọng thuốc lá trung cấp lên và cao cấp lên 60%.

### **2. Dự báo xu hướng tiêu thụ thuốc lá**

Dự báo xu hướng tiêu thụ thuốc lá bằng sự kết hợp giữa định lượng và định tính bằng các phương pháp nghiên cứu: Thống kê, chuyên gia, tiếp cận cộng đồng,... . Nhu cầu tiêu dùng sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang phụ thuộc vào những yếu tố chủ yếu sau: 1) Yếu tố làm tăng nhu cầu tiêu dùng như: dân số tăng, trong đó chủ yếu là dân số nam ở độ tuổi lao động; thu nhập và mức sống; thuốc lá có chất làm người tiêu dùng nghiện; người tiêu dùng có thói quen sử dụng thuốc lá, thói quen không phải dễ thay đổi; sức cung ứng sản phẩm thuốc lá của các nhà sản xuất và kinh doanh, cụ thể sản xuất thuốc lá và nhập lậu thuốc lá chưa có xu hướng giảm, các nhà phân phối, bán buôn, bán lẻ thuốc lá vì mục

tiêu lợi ích trong kinh doanh vẫn gia tăng sức cạnh tranh, gia tăng các phương thức tiếp cận người tiêu dùng; giá thuốc lá của Việt Nam rẻ so với một số nước trong khu vực và so với thu nhập của dân cư 2) Yếu tố làm giảm nhu cầu tiêu dùng như: hiểu biết về tác hại thuốc lá của người dân ngày càng cao, cụ thể thuốc lá không có giá trị dinh dưỡng, độc hại cho người sử dụng và những người xung quanh; phong trào chống hút thuốc lá của toàn thế giới và Việt Nam nói chung, tỉnh Tiền Giang nói riêng đang phát triển mạnh mẽ; Nhà nước tăng cường chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trên mọi phương diện nhằm phòng, chống tác hại của thuốc lá. Vì vậy, người tiêu dùng sẽ hút thuốc lá có đầu lọc và thuốc lá trung, cao cấp nhiều hơn, hút thuốc có hàm lượng chất gây nghiện ít hơn hướng đến chất lượng thay cho số lượng và nâng cao giá trị thưởng thức; người tiêu dùng sẽ hướng tới sản phẩm thuốc lá có nguồn gốc, sản xuất, tiêu thụ hợp pháp; một bộ phận người tiêu dùng, nhất là lực lượng cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang sẽ tự hạn chế tiến tới từ bỏ việc sử dụng sản phẩm thuốc lá do các quy định của cơ quan, do ý thức vì cộng đồng; Những người trẻ tuổi, nhất là thanh niên, tầng lớp có học thức sẽ không tiêu dùng sản phẩm thuốc lá.

Người sử dụng sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh vẫn chủ yếu là nam giới, những người đang hút thuốc lá chỉ có lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang sẽ giảm... dự báo còn khoảng 27-29% dân số nam tương ứng khoảng 13,5-14,5% dân số sử dụng sản phẩm thuốc lá. Tỷ trọng sử dụng hút thuốc lá của dân cư ở nông thôn của tỉnh thay đổi không đáng kể; dân thành thị có phần giảm chủ yếu do đây là nơi tập trung đông lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

Trên cơ sở thực tế tiêu thụ sản phẩm thuốc lá; dự báo dân số, thu nhập dân cư; dự báo xu hướng tiêu dùng của người sử dụng sản phẩm thuốc lá..., dự báo lượng tiêu thụ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 bằng phương pháp dự báo thống kê tốc độ tăng giảm bình quân với hai phương án 1 và 2.

+ *Phương án 1* dựa trên sự giả định lượng tiêu thụ thuốc lá bình quân đầu người đến năm 2020 và 2025 giảm tương ứng với tốc độ giảm bình quân lượng tiêu thụ thuốc lá bình quân đầu người từ năm 2013 (43,27 gói/người) (*khi luật pháp quyết liệt hơn, việc thực thi luật pháp hiệu quả hơn và phong trào phòng chống tác hại thuốc lá phát triển*) đến 2015 (41,71 gói/người), tốc độ giảm bình quân là 1,8241%/năm.

+ *Phương án 2*, dựa trên sự giả định lượng tiêu thụ thuốc lá bình quân đầu người đến năm 2020 và 2025 giảm tương ứng với tốc độ giảm bình quân lượng tiêu thụ thuốc lá bình quân đầu người từ năm 2010-2015, tốc độ giảm bình quân là 0,3802%/năm (42,51 gói/người năm 2010).



Phương án 2 có tính khả thi cao, phương án 1 có tính phân đầu, khi Nhà nước, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội, các thương nhân kinh doanh và nhân dân chung tay tham gia quyết liệt vào việc phòng, chống tác hại của thuốc lá và chống buôn lậu hiệu quả hơn, khi người đang sử dụng thuốc lá nhận thức sâu sắc và quyết tâm cao trong việc giảm tiến tới cai nghiện thuốc lá và những người chưa sử dụng thuốc lá không tham gia tiêu thụ và sử dụng...

Theo quy hoạch sản phẩm thuốc lá của Bộ Công Thương và dự báo tiêu thụ thuốc lá của tỉnh thì đến năm 2020 và 2025, lượng thuốc lá tiêu thụ bình quân đầu người của tỉnh bằng 87-90% so mới mức tiêu thụ bình quân đầu người cả nước.

**Bảng 8: Dự báo lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ**

Chỉ tiêu	2010	2013	2015	2020		2025	
				PA 1	PA 2	PA 1	PA 2
1. Tổng lượng thuốc lá tiêu thụ (1000 gói)	71.328	73.809	72.096,5	68.469,61	73.654,67	64.344,78	74.459,22
2. Lượng thuốc lá BQ/người (gói)	42,51	43,27	41,71	38,039	40,919	34,694	40,147
<b>TĐTTBQ</b>		<b>2013-2015</b>	<b>2011-2015</b>	<b>2016-2020</b>		<b>2021-2025</b>	
1. Tổng lượng thuốc lá tiêu thụ (%/năm)		-1,1669	0,2146	-1,027	0,4286	-1,235	0,2175
2. Lượng thuốc lá BQ/người (%/năm)		-1,8241	-0,3802	-1,8241	-0,3802	-1,8241	-0,3802

### **3. Dự báo xu hướng phát triển kinh doanh của lực lượng thương nhân**

Hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá ở khâu phân phối, bán buôn và bán lẻ vẫn chủ yếu do các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, trong đó các doanh nghiệp sẽ đảm nhiệm khâu phân phối, bán buôn, hộ kinh tế cá thể sẽ đảm nhiệm khâu bán lẻ.

Hiện nay, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa được tham gia vào thị trường phân phối, bán buôn, bán lẻ ở Việt Nam, tuy nhiên Việt Nam đã gia nhập tổ chức Thương mại thế giới, cam kết mở thị trường phân phối, vì vậy những năm cuối giai đoạn 2016-2020 hoặc đầu giai đoạn 2021-2025 rất có thể có thành phần kinh tế này tham gia vào thị trường Việt Nam nói chung và Tiền Giang nói riêng.

### **4. Xu hướng phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh**

Trên cơ sở hiện trạng phát triển mạng lưới kinh doanh thuốc lá trên địa bàn tỉnh thời gian qua; dự báo nhu cầu tiêu thụ thuốc lá trong thời gian tới; chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với việc chống nhập lậu thuốc lá, tăng cường quản lý

hoạt động kinh doanh thuốc lá trên địa bàn cả nước như: tăng thuế đối với sản xuất thuốc lá; quản lý chặt chẽ mạng lưới bán lẻ thuốc lá như cấp giấy phép, khắc khe hơn các điều kiện, phương thức kinh doanh thuốc lá; quy định các chế tài đối với mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá, đối với đối tượng tiêu thụ thuốc lá.v.v. bằng phương pháp chuyên gia và phương pháp nội suy, dự báo xu hướng phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh như sau:

- Mạng lưới bán buôn sản phẩm thuốc lá có thể gia tăng về số lượng và nâng cao quy mô, mở rộng thị trường để phục vụ nhu cầu còn nhiều tiềm năng, nhất là khi hiệu quả chống thuốc lá lậu được nâng cao, thuốc lá sản xuất trong nước tăng trưởng. Một số doanh nghiệp bán buôn của tỉnh sẽ vươn lên trở thành nhà phân phối để mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận nhằm tăng quy mô hoạt động, đủ năng lực vươn tới việc mua sản phẩm trực tiếp từ các nhà sản xuất thuốc lá, bỏ bớt khâu trung gian, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Do nhu cầu sử dụng sản phẩm thuốc lá vẫn tồn tại, sản phẩm thuốc lá dễ bảo quản, chiếm ít diện tích, kinh doanh bán lẻ cần ít vốn.... nên mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá của các thương nhân vẫn được duy trì, tuy nhiên những cửa hàng bán lẻ sản phẩm thuốc lá nhỏ, không chuyên, không xin giấy phép sẽ giảm đáng kể, tiến tới bị xóa bỏ; song song đó số lượng cửa hàng bán lẻ sản phẩm thuốc lá có giấy phép sẽ tăng nhanh hơn do những chế tài Nhà nước quy định đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá không phép rất cụ thể, công tác kiểm tra kiểm soát sẽ thường xuyên hơn, chặt chẽ hơn, việc cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá giản tiện hơn và các hộ cá thể kinh doanh sản phẩm thuốc lá bán lẻ cũng hiểu biết hơn về pháp luật và ý thức hơn trong việc thực thi pháp luật.

- Do đặc thù nhu cầu tiêu thụ thuốc lá tập trung chủ yếu về chủng loại, mặt hàng, giá cả... hầu như không có sự khác biệt về số lượng giữa các địa bàn; mặt khác kinh doanh bán lẻ thuốc lá lãi suất thấp, vì vậy thuốc lá vẫn chủ yếu do các hộ cá thể kinh doanh tạp hóa, cà phê, quán ăn... đảm nhiệm và được phân bố phủ rộng khắp trên địa bàn tỉnh.

- Sẽ xuất hiện một số cửa hàng của thương nhân bán lẻ chuyên doanh sản phẩm thuốc lá để nâng cao cạnh tranh, thu hút người tiêu dùng, sẽ từng bước xuất hiện các cửa hàng bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mô hình chuỗi.

- Để đảm bảo đúng các điều kiện kinh doanh Nhà nước quy định, để nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp bán buôn sẽ đầu tư mở rộng diện tích kho, phương tiện vận tải, thiết bị đo độ ẩm...; các cửa hàng của thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá sẽ dành riêng và mở rộng diện tích kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

## **PHẦN BA**

### **QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025**

#### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

##### **1. Quan điểm quy hoạch**

- Được thiết lập trên nguyên tắc xác định thuốc lá thuộc nhóm hàng hóa kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích tiêu dùng. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ sự phát triển và phân bố mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá cả nước; phù hợp với tập quán và thói quen tiêu dùng của một bộ phận dân cư nhưng phải phấn đấu giảm tác hại của thuốc lá trên địa bàn tỉnh.

- Phải xác định kinh doanh sản phẩm thuốc lá không phải để giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho một bộ phận người lao động.

- Phải đảm bảo tính kế thừa và đảm bảo hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá mang tính hệ thống, đồng bộ kết nối từ khâu sản xuất, phân phối đến tiêu dùng.

- Phải đảm bảo phát triển lực lượng doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá thuộc mọi thành phần kinh tế có năng lực, phát triển ổn định và luôn tuân thủ các điều kiện, quy định của Nhà nước về kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

##### **2. Mục tiêu quy hoạch**

###### **2.1. Mục tiêu chung**

Từng bước xây dựng, sắp xếp lại mạng lưới doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá hợp lý với sự tham gia của các thành phần kinh tế nhằm tạo ra các thương nhân bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuyên nghiệp, có năng lực, có khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng theo từng khu vực địa bàn trong phạm vi toàn tỉnh; không để tồn tại việc kinh doanh tự phát, không có giấy phép; hạn chế, tiến tới xóa bỏ việc kinh doanh thuốc lá nhập lậu góp phần tích cực vào việc phòng, chống tác hại của thuốc lá và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

###### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

+ Đến năm 2020:

- Từng bước cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, phấn đấu các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp là 30.
- Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cấp tối đa được cấp là 5.869.
- + Giai đoạn 2021-2025:

- Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới bán buôn và bán lẻ sản phẩm thuốc lá trong giai đoạn trước để điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và phù hợp quy định pháp luật trong thời kỳ này. Duy trì việc cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ cho các thương nhân đủ điều kiện.

- Số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá cấp tối đa được cấp là 30 và số lượng giấy phép bán lẻ là 6.047.

### **3. Định hướng quy hoạch**

#### ***3.1. Định hướng các chủ thể bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá***

Trong thời kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, định hướng phát triển các chủ thể tham gia mua bán sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh như sau:

*Thứ nhất*, mặc dù thuốc lá thuộc nhóm hàng không khuyến khích tiêu dùng, nhưng vẫn sản xuất và được kinh doanh thuốc lá nếu đủ điều kiện để phục vụ một bộ phận dân cư, hạn chế nhập lậu... vì vậy, vẫn phải tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế, tham gia tạo lập mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh; chú trọng các doanh nghiệp, hộ kinh tế cá thể có năng lực, kinh nghiệm tham gia gia nhập thị trường, phát triển mạng lưới, nhưng cũng cần hạn chế những khó khăn cho việc tham gia của các hộ kinh doanh cá thể.

*Thứ hai*, các doanh nghiệp, thương nhân bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước không chỉ để được cấp giấy phép mà phải duy trì việc tuân thủ trong suốt quá trình tham gia kinh doanh trên thị trường.

*Thứ ba*, khuyến khích các doanh nghiệp, thương nhân bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá nâng cao hiểu biết pháp luật, hiểu biết về tác hại của thuốc lá, cùng tham gia tuyên truyền, vận động người tiêu thụ giảm thiểu tác hại thuốc lá với cộng đồng; tham gia tố giác hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh thuốc lá và đóng góp kinh phí để tiêu hủy thuốc lá nhập lậu, hỗ trợ trang bị đầu tư phương tiện thông tin, giao thông... cho lực lượng chống buôn lậu, gian lận thương mại; xây dựng các khu vực, phòng dành riêng cho người hút thuốc lá...

#### ***3.2. Định hướng loại hình mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá***

- Khuyến khích các doanh nghiệp bán buôn trực tiếp phát triển cửa hàng, điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá vừa tăng tính cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh doanh, vừa gắn kết khâu bán buôn, bán lẻ đến người tiêu dùng, tăng năng lực hoạt động của mạng lưới...

- Khuyến khích các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuyên doanh để chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá; tạo điều kiện cho doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ phát triển chuỗi cửa hàng bán lẻ sản phẩm thuốc lá để nâng cao văn minh thương mại, dễ dàng hơn cho công tác quản lý.

- Khuyến khích các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá bán kèm sản phẩm thay thế thuốc lá như: kẹo nicotine, nước uống, miếng dán có nicotine, thuốc lá điện tử... và sản phẩm thuốc lá điều được sản xuất ra không phải từ lá thuốc, không có nicotine để hỗ trợ cai nghiện thuốc lá, giảm thiểu tác hại của thuốc lá.

### ***3.3. Định hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh***

Việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh là rất cấp thiết, bởi vì, việc vi phạm các điều kiện kinh doanh sản phẩm thuốc lá của các thương nhân gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước, tổn hại đến sức khỏe cộng đồng và ảnh hưởng đến thương nhân kinh doanh đúng pháp luật. Định hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đảm bảo thực hiện các quan điểm, mục tiêu, định hướng quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, thương nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nhưng phải tuân thủ triệt để các quy định của Nhà nước về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

- Phát triển mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh, thành phố, thị xã, huyện với các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá một cách thường xuyên (*thông qua chế độ báo cáo, kiểm tra, hội nghị, hội thảo...*) để kiểm soát chặt chẽ việc cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá và kiểm soát sản lượng, chủng loại thuốc lá lưu thông, tiêu thụ, tiến tới triệt tiêu thuốc lá nhập lậu;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà nước về kinh doanh sản phẩm thuốc lá và xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Nhà nước, nhất là kinh doanh không giấy phép và kinh doanh thuốc lá nhập lậu.

## **II. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025**

### **1. Căn cứ xác định quy hoạch**

- Luật số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội Phòng chống tác hại thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025;

- Mục tiêu dân số trung bình của tỉnh đã được định hướng thực hiện theo Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020 và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015.

### **2. Điều kiện, thẩm quyền cấp và thời hạn giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

#### ***2.1. Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá***

- Điều kiện cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá; Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định (thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá); Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên); Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá; Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m<sup>2</sup> trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho; Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu

phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển; Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên); Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá được xác định trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc không quá một (01) giấy phép trên năm mươi ngàn (50.000) dân.

- Sở Công Thương cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá sản phẩm thuốc lá có thời hạn 05 năm;

## ***2.2. Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá***

- Điều kiện cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá là thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định (thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá); Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m<sup>2</sup> trở lên (đối với điểm chuyên kinh doanh thuốc lá có diện tích tối thiểu phải có từ 03 m<sup>2</sup>; đối với điểm kinh doanh tổng hợp trong đó phải có diện tích tối thiểu dành thuốc lá từ 0,5 m<sup>2</sup> trở lên); Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá; Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được xác định trên nguyên tắc không quá một (01) thương nhân trên ba trăm (300) dân.

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá chỉ cấp cho những thương nhân bán lẻ cách nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường 100 m tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của thương nhân đó. Không cấp giấy phép cho các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em, cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao; Trường cao đẳng, đại học, học viện; Địa điểm công cộng; Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch; Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa

- Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, huyện) cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá có thời hạn 05 năm.

### **3. Quy hoạch mạng lưới bán buôn và bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn**

Xuất phát từ quan điểm, mục tiêu, định hướng, căn cứ xác định quy hoạch, quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang thể hiện số lượng giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa và phân bố trên địa bàn <sup>1</sup>.

#### **3.1. Phương án quy hoạch**

##### **3.1.1. Về số lượng giấy phép**

+ Quy hoạch số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh theo 2 phương án:

- *Phương án 1:* Tuân thủ Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025, theo đó là đến năm 2020, tỉnh Tiền Giang được cấp tối đa 36 giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; và số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá được xác định trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc không quá một (01) giấy phép trên năm mươi ngàn (50.000), thì đến năm 2025 số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp là 37.

- *Phương án 2:* Căn cứ vào dự báo nhu cầu tiêu thụ thuốc lá của tỉnh thời gian tới; dựa trên thực tế khảo sát và tham khảo các chuyên gia về khả năng cung ứng của doanh nghiệp bán buôn và mức tiêu thụ tối thiểu để doanh nghiệp bán buôn có thể duy trì hoạt động; với điều kiện mạng lưới bán lẻ trên địa bàn đều được cấp giấy phép và chỉ mua thuốc lá của doanh nghiệp bán buôn của tỉnh theo quy định của pháp luật... thì mỗi doanh nghiệp bán buôn có thể cung ứng bình quân đến 200 thương nhân bán lẻ và cần phải tiêu thụ được bình quân khoảng 2 đến 2,5 triệu gói thuốc lá/năm. Như vậy số lượng doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá của tỉnh cần khoảng 30 -37.

Lựa chọn phương án:

Căn cứ vào quyết tâm của tỉnh Tiền Giang bằng nhiều giải pháp thực thi có hiệu quả phòng chống tác hại thuốc lá, một trong những giải pháp đó là giảm đầu mối doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá mà vẫn đảm bảo doanh nghiệp bán

---

<sup>1</sup> Quy hoạch số lượng giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp không có nghĩa là phải phấn đấu phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá đủ theo số lượng đã quy hoạch. Mặt khác, quan trọng hơn là doanh nghiệp, thương nhân phải đủ điều kiện quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá mới được cấp giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá.



buôn sản phẩm thuốc lá đủ sức cung ứng cho mạng lưới bán lẻ và nhu cầu thị trường, phương án chọn sẽ là phương án 2, với số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và 2025 là 30, giảm 6 giấy phép so với mức Bộ Công Thương cho phép, tương đương 60.000 đến 61.822 dân/giấy phép bán buôn.

**Bảng 9: Số lượng giấy phép bán buôn tối đa được cấp**

Chỉ tiêu	Đến năm 2020		Đến năm 2025	
	PA 1	PA 2	PA 1	PA 2
Dân số (người)	1.800.000	1.800.000	1.854.652	1.854.652
Lượng thuốc lá tiêu thụ dự báo (1.000 gói)	73.620	73.620	74.371,6	74.371,6
Giấy phép bán buôn (làm tròn)	36	30	37	30
Dân số/ GF bán buôn	50.000	60.000	50.000	61.822

+ Quy hoạch số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn theo 2 phương án:

- *Phương án 1:* Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá căn cứ vào nhu cầu phát triển mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn của các thương nhân. Nghĩa là các thương nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và có nhu cầu kinh doanh đều được cấp giấy phép. Theo quy định của pháp luật hiện hành, thuốc lá thuộc nhóm hàng kinh doanh có điều kiện, các điều kiện đối với thương nhân bán lẻ thuốc lá hiện hành khá đơn giản. Giả định, số lượng thương nhân bán lẻ thuốc lá của tỉnh đến năm 2020 và 2025 không tăng hay giảm; có 90% các thương nhân đang kinh doanh thuốc lá có thể đáp ứng đủ điều kiện để được cấp phép, thì số lượng thương nhân bán lẻ thuốc lá của tỉnh đến năm 2020 và 2025 được cấp giấy phép sẽ đạt gần 13.590, tương đương từ 130-136 dân/giấy phép bán lẻ.

- *Phương án 2:* Tuân thủ Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025, đó là đến năm 2020, tỉnh Tiền Giang tối đa được cấp 5.869 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Và số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được xác định trên nguyên tắc không quá một (01) thương nhân trên ba trăm (300) dân. Với số lượng giấy phép trên tương đương với 306,696 dân/giấy phép và bằng phương pháp nội suy cho số lượng giấy phép đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh là 6.047 (306,696 dân/giấy phép) hoặc 6.182 (300 dân/giấy phép).

**Bảng 10: Số lượng giấy phép bán lẻ tối đa được cấp**

Chỉ tiêu	Đến năm 2020		Đến năm 2025	
	PA 1	PA 2	PA 1	PA 2
Dân số	1.800.000	1.800.000	1.854.652	1.854.652
Giấy phép bán lẻ	13.590	5.869	13.590	6.047
Dân số/GF bán lẻ	132,5	306,696	136,5	306,696

Lựa chọn phương án:

- Phương án 2 là phương án chọn bởi tuân thủ Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, mặt khác thể hiện quyết tâm bằng nhiều giải pháp thực thi có hiệu quả phòng chống tác hại thuốc lá, một trong những giải pháp đó là hạn chế đầu mỗi bán lẻ thuốc lá, làm khó khăn hơn đối với những người tiêu thụ. Nếu xét theo góc độ khả năng cung ứng của mạng lưới bán lẻ đối với nhu cầu thị trường thì vẫn có thể giảm số lượng thương nhân bán lẻ thuốc lá so với số lượng Bộ Công Thương quy định cho tỉnh. Tuy nhiên, để giảm nhanh lượng thuốc lá tiêu thụ, tham gia mạnh mẽ vào phòng chống tác hại thuốc lá phụ thuộc nhiều yếu tố, đòi hỏi nhiều giải pháp... không chỉ là hạn chế số lượng thương nhân bán lẻ. Mặt khác, quá thu hẹp số lượng thương nhân bán lẻ sẽ xuất hiện tình trạng để đáp ứng nhu cầu nhanh chóng, tiện lợi cho người tiêu thụ sẽ có thể vẫn tồn tại các thương nhân bán lẻ thuốc lá nhỏ lẻ không xin giấy phép. Hơn thế nữa, khi các thương nhân bán lẻ thuốc lá đủ điều kiện có nhu cầu kinh doanh mà số lượng giấy phép bán lẻ quá hạn chế, có thể dẫn đến cơ chế xin cho trong việc cấp giấy phép. Vì vậy, số lượng giấy phép bán lẻ tối đa được cấp đến năm 2020 nên là 5.869 và 2025 là 6.047, chỉ bằng 43-45% so với số lượng thương nhân đang bán lẻ thuốc lá hiện nay..

### 3.1.2. Về phân bố giấy phép

Trên cơ sở số lượng giấy phép tối đa được cấp, việc phân bố giấy phép đến các địa phương trong tỉnh có những phương án sau:

Đối với giấy phép bán buôn:

Do thị trường bán buôn thuốc lá có sự đan xen giữa thị trường các địa phương trong tỉnh; thương nhân bán buôn cần phải có năng lực đáp ứng điều kiện của pháp luật... vì vậy, việc quy hoạch cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đảm bảo tính kế thừa, giữ số lượng bán buôn hiện tại, đồng thời phân bố cho mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 giấy phép; giấy phép bán buôn còn lại sẽ cấp cho các thương nhân tại thành phố, thị xã, các huyện có vị trí trung tâm tỉnh, nơi dân cư lớn, nơi tập trung các doanh nghiệp có năng lực, nơi có sức thu

hút các doanh nghiệp ngoài tỉnh đầu tư mạng lưới bán buôn sản phẩm thuốc lá tại Tiền Giang cao hơn các thị xã, huyện khác của tỉnh.

Đối với giấy phép bán lẻ:

- *Phương án 1:* Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được tính trên phạm vi thành phố, thị xã, huyện, không phân chia cho thị trấn, phường, xã.

- *Phương án 2:* Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được tính trên phạm vi thành phố, thị xã, huyện, được phân chia cho thị trấn, phường, xã.

Xuất hiện tình trạng giữa số dân trung bình dự báo thời kỳ quy hoạch và số dân làm căn cứ xác định số lượng giấy phép tối đa nảy sinh thương số không chẵn, hay nói cách khác là số lượng giấy phép bị lẻ. Vì vậy, quy hoạch số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đảm bảo đủ cho phạm vi thành phố, thị xã, huyện; giấy phép bán lẻ bị lẻ của một số xã sẽ bổ sung cho thị trấn, phường, nơi có các thương nhân có năng lực, nơi giao thương phát triển.

- *Phương án 3:* Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được tính và phân bổ cụ thể cho riêng thị trấn, phường, xã. Không tính số lượng giấy phép bị lẻ, quy hoạch đúng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa cho mỗi địa bàn, không bù trừ giữa thị trấn, phường, xã.

Phương án 2 là phương án đề nghị chọn. Phương án này thể hiện sự hợp lý trong việc cấp giấy phép mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên phạm vi thành phố, thị xã, huyện, vừa đảm bảo nguyên tắc không vượt quá số lượng giấy phép tối đa Bộ Công Thương quy định, vừa tạo điều kiện cho thương nhân bán lẻ đủ điều kiện được kinh doanh thuốc lá và mạng lưới bán lẻ rải đều trên toàn địa bàn.

### ***3.2. Quy hoạch mạng lưới bán buôn sản phẩm thuốc lá***

Theo phương án chọn, đến hết năm 2020 và 2025, tổng số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang là 30. Trong đó TP. Mỹ Tho chiếm tỷ lệ 20% toàn mạng lưới bán buôn sản phẩm thuốc lá của tỉnh, TX. Gò Công chiếm 6,7%, huyện Tân Phước chiếm 3,3%, huyện Cái Bè chiếm 10,3%, TX. Cai Lậy chiếm 6,7%, huyện Cai Lậy chiếm 10,0%, huyện Châu Thành chiếm 13,3%, huyện Chợ Gạo chiếm 10,0%, huyện Gò Công Tây chiếm 6,7%, huyện Gò Công Đông chiếm 6,7%, huyện Tân Phú Đông chiếm 3,3%.

**Bảng 11: Số lượng giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp phân theo địa bàn hành chính**

Stt	Địa bàn	Đã cấp	Hết năm 2020 và 2025
	Toàn tỉnh	7	30
1	TP. Mỹ Tho	4	6
2	TX. Gò Công	1	2
3	H. Tân Phước		1
4	H. Cái Bè	1	4
5	TX. Cai Lậy	1	2
6	H. Cai Lậy		3
7	H. Châu Thành		4
8	H. Chợ Gạo		3
9	H. Gò Công Tây		2
10	H. Gò Công Đông		2
11	H. Tân Phú Đông		1

### ***3.3. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá***

Theo phương án chọn, đến hết năm 2020, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang là 5.869.<sup>2</sup> Trong đó TP. Mỹ Tho chiếm 13,1% toàn mạng lưới bán lẻ thuốc lá của tỉnh, TX. Gò Công chiếm 5,6%, huyện Tân Phước chiếm 3,5%, huyện Cái Bè chiếm 17,0%, TX. Cai Lậy chiếm 7,2%, huyện Cai Lậy chiếm 11,0%, huyện Châu Thành chiếm 14,2%, huyện Chợ Gạo chiếm 10,3%, huyện Gò Công Tây chiếm 7,4%, huyện Gò Công Đông chiếm 8,3%, huyện Tân Phú Đông chiếm 2,4%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn tỉnh là 6.047.

---

<sup>2</sup> Không chấp nhận những thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá không phép. Số lượng giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá được cấp theo quy hoạch tính cả số lượng giấy phép được cấp trong những tháng đầu năm 2016. Nếu trên địa bàn, có doanh nghiệp bán buôn hay thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá xin ngừng kinh doanh hoặc bị rút hoặc không được tái cấp giấy phép thì số giấy phép được cấp tăng lên tương ứng với số lượng doanh nghiệp bán buôn hay thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tự ngừng và bị ngừng kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

**Bảng 12: Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp phân theo địa bàn hành chính**

Stt	Địa bàn	Số lượng GF Đã cấp	Số lượng giấy phép tối đa được cấp	
			Hết năm 2020	Hết năm 2025
	Toàn tỉnh	689	5.869	6.047
1	TP. Mỹ Tho	54	768	791
2	TX. Gò Công	70	331	341
3	H. Tân Phước	42	203	209
4	H. Cái Bè	93	999	1.029
5	TX. Cai Lậy	14	421	433
6	H. Cai Lậy	63	648	668
7	H. Châu Thành	128	833	859
8	H. Chợ Gạo	82	604	623
9	H. Gò Công Tây	62	433	446
10	H. Gò Công Đông	57	488	503
11	H. Tân Phú Đông	24	141	145

**3.4. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn**

**- Thành phố Mỹ Tho (Chi tiết xem phụ lục 2)**

Đến hết năm 2020, TP. Mỹ Tho được cấp tối đa 768 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, phường 1 chiếm tỷ lệ 2,6% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của thành phố, phường 2 chiếm 6,2%, phường 3 chiếm 4,8%, phường 4 chiếm 7,7%, phường 5 chiếm 9,6%, phường 6 chiếm 10,9%, phường 7 chiếm 4,3%, phường 8 chiếm 5,5%, phường 9 chiếm 3,3%, phường 10 chiếm 4,7%, phường Tân Long chiếm 1,6%, xã Đạo Thạnh chiếm 7,3%, xã Trung An chiếm 9,9%, xã Mỹ Phong chiếm 7,7%, xã Tân Mỹ Chánh chiếm 5,7%, xã Phước Thạnh chiếm 5,6%, xã Thới Sơn chiếm tỷ lệ 2,6%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn thành phố là 791.

**- Thị xã Gò Công (Chi tiết xem phụ lục 3)**

Đến hết năm 2020, TX. Gò Công được cấp tối đa 331 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, phường 1 chiếm tỷ lệ 5,7% trên tổng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của thị xã, phường 2 chiếm 6,6%, phường 3 chiếm 6,0%, phường 4 chiếm 6,6%, phường 5 chiếm 4,8%, xã Long Hưng chiếm 5,4%, xã Long Thuận chiếm 6,9%, xã Long Chánh chiếm 6,0%, xã Long Hòa chiếm 6,6%, xã Bình Đông chiếm 14,5%, xã Bình Xuân chiếm 16,6%, xã Tân Trung chiếm 13,9%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn thị xã là 341.

**- Huyện Tân Phước (Chi tiết xem phụ lục 4)**

Đến hết năm 2020, huyện Tân Phước được cấp tối đa 203 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thị trấn Mỹ Phước chiếm tỷ lệ 6,9% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Mỹ Phước chiếm 4,9%, xã Hưng Thạnh chiếm 10,8%, xã Phú Mỹ chiếm 13,3%, xã Tân Hòa Thành chiếm 16,7%, xã Phước Lập chiếm 14,8%, xã Tân Lập 1 chiếm 8,4%, xã Tân Lập 2 chiếm 4,4%, xã Thạnh Tân chiếm 3,4%, xã Thạnh Hòa chiếm 1,5%, xã Thạnh Mỹ chiếm 4,4%, xã Tân Hòa Đông chiếm 2,9%, xã Tân Hòa Tây chiếm 7,4%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 209.

**- Huyện Cái Bè (Chi tiết xem phụ lục 5)**

Đến hết năm 2020, huyện Cái Bè được cấp tối đa 999 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thị trấn Cái Bè chiếm tỷ lệ 5,7% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Hậu Mỹ Bắc B chiếm 3,6%, xã Hậu Mỹ Bắc A chiếm 4,4%, xã Mỹ Trung chiếm 2,8%, xã Hậu Mỹ Trinh chiếm 3,5%, xã Hậu Mỹ Phú chiếm 2,5%, xã Mỹ Tân chiếm 1,7%, xã Mỹ Lợi B chiếm 2,5%, xã Thiệu Trung chiếm 3,1%, xã Mỹ Hội chiếm 2,9%, xã An Cư chiếm 4,8%, xã Hậu Thành chiếm 4,8%, xã Mỹ Lợi A chiếm 3,5%, xã Hòa Khánh chiếm 6,9%, xã Thiệu Trí chiếm 3,2%, xã Mỹ Đức Đông chiếm 3,2%, xã Mỹ Đức Tây chiếm 4,8%, xã Đông Hòa Hiệp chiếm 4,8%, xã An Thái Đông chiếm 3,4%, xã Tân Hưng chiếm 4,2%, xã Mỹ Lương chiếm 3,6%, xã Tân Thanh chiếm 3,6%, An Thái Trung chiếm 5,2%, An Hữu chiếm 5,9%, xã Hòa Hưng chiếm 5,3%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 1.029.

**- Thị xã Cai Lậy (Chi tiết xem phụ lục 6)**

Đến hết năm 2020, TX. Cai Lậy được cấp tối đa 421 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, phường 1 chiếm tỷ lệ 7,8% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của thị xã, phường 2 chiếm 4,3%, phường 3 chiếm 2,4%, phường 4 chiếm 4,3%, phường 5 chiếm 6,9%, phường Nhị Mỹ chiếm 4,0%, xã Mỹ Phước Tây chiếm 10,9%, xã Mỹ Hạnh Đông chiếm 7,1%, xã Mỹ Hạnh Trung chiếm 5,9%, xã Tân Phú chiếm 4,5%, xã Tân Bình chiếm 4,8%, xã Tân Hội chiếm 9,0%, xã Nhị Quí chiếm 8,6%, xã Thanh Hòa chiếm 4,0%, xã Phú Quí chiếm 5,2%, xã Long Khánh chiếm 10,2%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn thị xã là 433.

**- Huyện Cai Lậy (Chi tiết xem phụ lục 7)**

Đến hết năm 2020, huyện Cai Lậy được cấp tối đa 648 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, xã Thạnh Lộc chiếm tỷ lệ 6,0% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Mỹ Thành Bắc chiếm 4,3%, xã Phú Cường chiếm 6,2%, xã Mỹ Thành Nam chiếm 6,8%, xã Phú Nhuận chiếm 4,8%, xã Bình Phú chiếm 8,9%, xã Cẩm Sơn chiếm 4,3%, xã Phú An chiếm 8,0%, xã Mỹ Long chiếm 5,2%, xã Long Tiên chiếm 6,5%, xã Hiệp Đức chiếm 3,1%, xã Long Trung chiếm 6,9%, xã Hội Xuân chiếm 4,8%, xã Tân Phong chiếm 7,3%, xã Tam Bình chiếm 8,8%, xã Ngũ Hiệp chiếm 8,0%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 668.

**- Huyện Châu Thành (Chi tiết xem phụ lục 8)**

Đến hết năm 2020, Huyện Châu Thành được cấp tối đa 833 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thị trấn Tân Hiệp chiếm tỷ lệ 2,0% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Tân Đông Hội chiếm 3,1%, xã Tân Hương chiếm 6,7%, xã Tân Lý Đông chiếm 6,0%, xã Tân Lý Tây chiếm 4,9%, xã Thân Cửu Nghĩa chiếm 7,9%, xã Tam Hiệp chiếm 5,9%, xã Diềm Hy chiếm 3,7%, xã Nhị Bình chiếm 7,1%, xã Dương Diềm chiếm 2,6%, xã Đông Hòa chiếm 4,1%, xã Long Định chiếm 6,1%, xã Hữu Đạo chiếm 2,0%, xã Long An chiếm 3,6%, xã Long Hưng chiếm 5,4%, xã Bình Trung chiếm 3,6%, xã Thạnh Phú chiếm 3,9%, xã Bàn Long chiếm 3,6%, xã Vĩnh Kim chiếm 4,3%, xã Bình Đức chiếm 3,4%, xã Song Thuận chiếm 2,6%, xã Kim Sơn chiếm 4,2%, xã Phú Phong chiếm 2,9%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 859.

**- Huyện Chợ Gạo (Chi tiết xem phụ lục 9)**

Đến hết năm 2020, huyện Chợ Gạo được cấp tối đa 604 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thị trấn Chợ Gạo chiếm tỷ lệ 4,3% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Trung Hòa chiếm 3,6%, xã Hòa Tịnh chiếm 3,5%, xã Tân Bình Thạnh chiếm 4,3%, xã Mỹ Tịnh An chiếm 5,0%, xã Phú Kiệt chiếm 5,6%, xã Song Bình chiếm 4,5%, xã Thanh Bình chiếm 5,5%, xã Lương Hòa Lạc chiếm 5,8%, xã Long Bình Diềm chiếm 6,8%, xã Đăng Hưng Phước chiếm 6,3%, xã Tân Thuận Bình chiếm 5,8%, xã Quơn Long chiếm 5,5%, xã Bình Phục Nhứt chiếm 6,9%, xã Bình Ninh chiếm 6,0%, xã Bình Phan chiếm 4,0%, xã An Thạnh Thủy chiếm 7,1%, xã Hòa Định chiếm 4,6%, xã Xuân Đông chiếm 5,0%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 623.

**- Huyện Tân Phú Đông (Chi tiết xem phụ lục 10)**

Đến hết năm 2020, huyện Tân Phú Đông được cấp tối đa 141 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, xã Phú Tân chiếm tỷ lệ 8,5% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Phú Đông chiếm 14,9%, xã Phú Thạnh chiếm 19,1%, xã Tân Phú chiếm 21,3%, xã Tân Thạnh chiếm 10,6%, xã Tân Thới chiếm 25,5%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 145.

**- Huyện Gò Công Tây (Chi tiết xem phụ lục 11)**

Đến hết năm 2020, huyện Gò Công Tây được cấp tối đa 433 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thị trấn Vĩnh Bình chiếm tỷ lệ 9,2% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, xã Đồng Sơn chiếm 7,2%, xã Bình Phú chiếm 6,0%, xã Đồng Thạnh chiếm 8,1%, xã Thành Công chiếm 3,7%, xã Bình Nhì chiếm 9,2%, xã Yên Luông chiếm 4,8%, xã Thạnh Trị chiếm 7,6%, xã Thạnh Nhứt chiếm 9,9%, xã Long Vĩnh chiếm 6,2%, xã Bình Tân chiếm 8,5%, xã Vĩnh Hựu chiếm 9,0%, xã Long Bình chiếm 10,4%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 446.

**- Huyện Gò Công Đông (Chi tiết xem phụ lục 12)**

Đến hết năm 2020, huyện Gò Công Đông được cấp tối đa 488 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thị trấn Tân Hòa chiếm tỷ lệ 4,1% trên tổng số giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của huyện, thị trấn Vàm Láng chiếm 10,0%, xã Tân Phước chiếm 9,8%, xã Gia Thuận chiếm 4,3%, xã Tân Tây chiếm 10,0%, xã Tân Đông chiếm 7,0%, xã Kiểng Phước chiếm 10,7%, xã Bình Ân chiếm 7,0%, xã Tân Điền chiếm 5,1%, xã Bình Nghị chiếm 8,0%, xã Phước Trung chiếm 7,2%, xã Tăng Hòa chiếm 7,0%, xã Tân Thành chiếm 9,8%.

Đến hết năm 2025, tổng số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa được cấp trên địa bàn huyện là 503.

### **III. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Khái quát ảnh hưởng của thuốc lá tới môi trường**

Trong khối thuốc lá có hơn 7.000 hóa chất, trong đó có ít nhất 70 chất có khả năng gây ung thư. Thuốc lá gây chết non với một nửa số người sử dụng nó. Thuốc lá gây tử vong sớm không chỉ với những người hút thuốc mà còn cả những người không hút thuốc nhưng hít phải khói thuốc của người khác, gọi là hút thuốc thụ động. Hàng năm, gần 6 triệu người tử vong vì các bệnh liên quan đến thuốc lá, trong đó có hơn 5 triệu người đang và đã từng hút thuốc và hơn 600.000 người không hút thuốc nhưng bị tiếp xúc thụ động với khói thuốc của người khác. Nếu



không thực hiện ngay những biện pháp kiểm soát thuốc lá hiệu quả, thì số người chết hàng năm do thuốc lá có thể tăng lên hơn 8 triệu người vào năm 2030.

Theo ước tính của Tổ chức Y tế thế giới, hàng năm có khoảng 40 ngàn người Việt Nam tử vong vì các bệnh liên quan đến thuốc lá và con số này đến năm 2030 có thể tăng lên tới 70 nghìn người/năm.

Năm 2012, Việt Nam đã tiêu thụ đến 4,174 tỉ gói thuốc lá. Như vậy, tính từ 2010, số lượng tiêu thụ thuốc lá của Việt Nam luôn tăng (năm 2010 tiêu thụ 3.986 triệu gói, năm 2011 tiêu thụ 4.131 triệu gói). Năm 2012, người Việt Nam đã bỏ ra tới 22 ngàn tỷ đồng cho tiêu dùng thuốc lá. Tổng chi phí điều trị và tổn thất do mất khả năng lao động vì ốm đau và tử vong sớm cho chỉ 5 nhóm bệnh trên tổng số 25 bệnh do thuốc lá gây ra đã lên tới con số trên 23 ngàn tỷ đồng/năm.

Theo Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam, năm 2014, đã có tới 1 tỷ gói thuốc lá được nhập lậu vào Việt Nam, chiếm hơn tới 25% tổng tiêu thụ nội địa. Đáng lưu ý là có tới 90% lượng thuốc lá nhập lậu vào Việt Nam là hai nhãn thuốc Jet và Hero, gần đây có thêm thương hiệu Esse. Hoạt động nhập lậu thuốc lá làm Nhà nước bị thất thu thuế 4.000-4.200 tỉ đồng, Việt Nam bị mất 17.000 tấn nguyên liệu, tương đương diện tích trồng 9.000 ha và mất việc làm của 39.000 người trồng thuốc lá với khoảng 4,5 tháng. Lợi nhuận của nông dân cũng mất 160-170 tỷ đồng /năm. Doanh nghiệp thuốc lá Việt Nam cũng mất lợi nhuận khoảng 240-250 tỷ đồng/năm.

Ngoài tác hại đối với sức khỏe, kinh tế thì thuốc lá cũng góp phần không nhỏ vào việc hủy hoại môi trường:

- Hút thuốc lá mà không chú ý cũng là nguyên nhân gây nên cháy, thảm họa môi trường và thiệt hại về kinh tế.

- Thải đầu mẩu và vỏ gói thuốc lá sau khi sử dụng sinh ra một khối lượng rác lớn. Đầu lọc thuốc lá cần 5 đến 7 năm để phân hủy hết. Các đầu lọc thuốc lá gây ra tác hại tới sức khỏe động vật, những loài động vật vô tình ăn phải đầu lọc thuốc lá sẽ không thể tiêu hóa được các hóa chất trong đó và chúng có thể chết vì những chất hóa học này.

- Nước miếng nhổ ra khi hút thuốc gây mất vệ sinh và ô nhiễm môi trường.

- Khói thuốc lá là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí trong nhà và ngoài trời do thải ra ngoài không khí hàng ngàn chất hóa học độc hại.

Hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá cũng tác động đến môi trường, thể hiện trên những khía cạnh chủ yếu như:

- Hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá càng phát triển càng làm tăng việc khai thác và sử dụng các nguồn lực tự nhiên để sản xuất ra sản phẩm, kéo theo sự gia tăng chất thải gây ô nhiễm môi trường.

- Sự gia tăng hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá làm tăng nguy cơ lưu thông những sản phẩm có ảnh hưởng đến môi trường. Chẳng hạn như gia tăng nhập khẩu rác thải làm nguyên liệu cho sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm chứa các tác nhân nguy hại đến môi trường...

- Sự gia tăng hoạt động mua bán sản phẩm thuốc sẽ kích thích sự phát triển nhu cầu tiêu dùng, gia tăng khối lượng sản phẩm tiêu dùng và kéo theo sự gia tăng chất thải sinh hoạt gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

## **2. Dự báo tác động của thuốc lá và hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá với môi trường**

- Khói thuốc lá ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người hút và cộng đồng.

- Môi trường không khí, đất, nước là đối tượng chính bị tác động liên quan đến chất thải của thuốc lá và các hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá.

- Kinh tế cũng là đối tượng bị tác động do: i) Sự gia tăng của tiêu dùng và hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá kéo theo sự gia tăng số nguồn gây chất thải và làm tăng chi phí thu gom, xử lý chất thải; ii) Sự gia tăng lượng chất thải làm tăng diện tích đất chứa, chôn lấp rác thải và làm giảm diện tích đất sử dụng cho các mục tiêu kinh tế khác.

## **3. Giải pháp các vấn đề về môi trường do thuốc lá gây ra**

### **3.1. Đối với doanh nghiệp bán buôn và thương nhân bán lẻ thuốc lá**

- Phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật như: không đáp ứng đủ điều kiện về đảm bảo môi trường theo cam kết, vứt rác thải không đúng nơi quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các thương nhân kinh doanh thuốc lá để nâng cao nhận thức và ý thức tự giác tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, hộ kinh tế cá thể.

- Khuyến khích mọi người tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường, phản ánh những sai phạm trong việc kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Khuyến khích các doanh nghiệp bán buôn và thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tham gia góp phần đầu tư nơi hút thuốc lá tại nơi công cộng, bến tàu, bến xe, chợ...

### **3.2. Đối với người sử dụng thuốc lá**

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống tác hại thuốc lá như: địa điểm hút thuốc, nơi bỏ tàn, đầu lọc thuốc lá..

- Xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi sai phạm của người hút thuốc như: hút thuốc tại nơi có biển cấm, bỏ tàn, đầu lọc thuốc lá không đúng nơi, đúng chỗ...

- Khuyến khích mọi người tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường, phản ánh những sai phạm trong việc sử dụng sản phẩm thuốc lá.

## PHẦN BỐN

### **CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

#### **I. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước**

- Từ thực tế áp dụng, vận dụng, thực thi pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá và các quy phạm pháp luật liên quan đến việc kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm thuốc lá tại địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về kinh doanh sản phẩm thuốc lá kiến nghị các cơ quan ban hành văn bản pháp luật chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với thực tế, để nâng tính thiết thực và hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật. Kiến nghị các cơ quan ban hành văn bản pháp luật đưa ra mức thu thuế thuốc lá theo hướng ngày càng tăng cao đối với các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá; quản lý chặt các hành vi, quảng cáo, khuyến mại.v.v. song song đó, tăng cường hơn nữa công tác chống buôn lậu thuốc lá của các cơ quan có chức năng.

- Tuân thủ quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, nhất là việc cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn đúng số lượng, điều kiện quy định của pháp luật và quy hoạch. Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, các thị xã và các huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của các ngành: Công thương, Công an, Ban chỉ đạo 389..., rà soát lại số thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn, yêu cầu chủ cơ sở cam kết phải xin cấp giấy phép hoặc ngừng kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Tạo điều kiện cho các thương nhân đủ điều kiện được cấp giấy phép bán lẻ thuốc lá theo quy định của pháp luật và theo quy hoạch. Từ nay đến hết năm 2017, tất cả các thương nhân trên địa bàn có đăng ký kinh doanh nếu muốn tiếp tục bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải xin để được cấp giấy đủ điều kiện kinh doanh thuốc lá; từ năm 2018 từng bước bắt buộc các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn phải được cấp giấy đủ điều kiện kinh doanh thuốc lá.

- Thông tin, tuyên truyền là giải pháp quan trọng, phải thường xuyên, kiên trì và lâu dài. Cụ thể như sau:

Đối tượng được tuyên truyền: Toàn thể nhân dân trong tỉnh, chú trọng vào những doanh nghiệp, những hộ đang kinh doanh sản phẩm thuốc lá; những người đang tiêu thụ và sử dụng thuốc lá, những nam sinh bước vào tuổi vị thành niên và đang ở tuổi vị thành niên.

Cơ quan tuyên truyền: Tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, nhất là các cơ quan liên quan trực tiếp như: các Sở, phòng ban các cấp có chức năng cấp giấy phép, quản lý thị trường kinh doanh thuốc lá như Công Thương, công an, y tế, môi trường; Các Sở, phòng ban các cấp có chức năng tuyên truyền giáo dục như: Thông tin, truyền thông, giáo dục, văn hóa, du lịch.v.v.

Nội dung tuyên truyền: kinh doanh và sử dụng sản phẩm thuốc lá

Phương thức thông tin, tuyên truyền: đa dạng thông qua các cơ quan truyền thông, báo, đài, tờ rơi, áp phích, hội họp, kiểm tra, kiểm soát.v.v.

Kinh phí tuyên truyền: đầu tư thêm kinh phí cho công tác thông tin, tuyên truyền bằng nguồn kinh phí của ngân sách, của các tổ chức chính trị, xã hội...

- Tăng cường các biện pháp kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh, các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá đối với các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nhằm yêu cầu họ thực thi đúng pháp luật, đồng thời tạo một mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá ổn định, góp phần hạn chế kinh doanh thuốc lá, không kinh doanh thuốc lá lậu.

- Thực thi nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt đối với các hành vi kinh doanh thuốc lá tại Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ; Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế... Xử lý nghiêm khắc các vi phạm của các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo đúng quy định của pháp luật hiện hành: về việc chấp hành giấy phép kinh doanh; về vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh thuốc lá điều nhập lậu, chất lượng sản phẩm; về không treo biển thông báo không bán thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi tại điểm bán; về tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức; về trưng bày quá một gói hoặc một tút hoặc một hộp của một nhãn hiệu thuốc lá, bán thuốc lá không ghi nhãn; về không báo cáo hoặc báo cáo không đúng về tình hình, kết quả kinh doanh sản phẩm thuốc lá; về nghĩa vụ nộp thuế; về bảo vệ môi trường.

- Yêu cầu các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế xã hội trong tỉnh đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, quy định cấm hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ.

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh tế cá thể và cá nhân tham gia phòng, chống tác hại của của thuốc lá; khuyến khích thành lập và tạo cơ chế thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá; khuyến khích các khách sạn, khu du lịch, công viên, tụ điểm vui chơi, giải trí, chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, bến tàu, xe... không cho sử dụng thuốc lá trong khuôn viên hoặc xây dựng các phòng, khu vực dành riêng cho người hút thuốc lá.

- Nghiên cứu khả năng tài chính, quy đất.v.v. của tỉnh; ý thức chấp hành pháp luật của người sử dụng thuốc lá trong tỉnh; xu thế xây dựng điểm hút thuốc lá của các địa phương khác trong nước... để từng bước nghiên cứu, thiết lập quy hoạch điểm hút thuốc lá trong phạm vi toàn tỉnh hoặc các khu công cộng trong tỉnh hoặc thí điểm trên địa bàn một vài địa phương trong tỉnh.

## **2. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

### **2.1. Các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

- Chỉ mua sản phẩm thuốc lá có nguồn gốc hợp pháp; tổ chức lưu thông, tiêu thụ sản phẩm thuốc lá trên thị trường theo giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp.

- Phải niêm yết bản sao hợp lệ giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Phải báo cáo định kỳ tình hình kinh doanh theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy phép bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Có nghĩa vụ tham gia phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống buôn lậu sản phẩm thuốc lá, kinh doanh thuốc lá giả; trong việc phòng, chống tác hại của thuốc lá.

- Không được có các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá như sau:

+ Kinh doanh sản phẩm thuốc lá không có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc khi giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực; kinh doanh sản phẩm thuốc lá không đúng đối tượng, địa điểm, nội dung ghi trong giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp; giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, mua bán giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá;

+ Bán thuốc lá tại khu vực công sở, trường học, bệnh viện, rạp chiếu phim, nhà biểu diễn văn hóa nghệ thuật, nhà thi đấu thể thao và tại các nơi công cộng khác theo quy định của pháp luật;

+ Mua bán, tàng trữ, vận chuyển sản phẩm thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả, các sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu không được bảo hộ tại Việt Nam, không đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc lá, kém phẩm chất hoặc đã hết hạn sử dụng, ghi nhãn trên bao bì không đúng quy định, không dán tem theo quy định của pháp luật;

+ Bán lẻ sản phẩm thuốc lá bằng máy bán hàng tự động hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm có quy định cấm;

+ Bán sản phẩm thuốc lá cho người dưới 18 tuổi, sử dụng người chưa đủ 18 tuổi bán thuốc lá;

+ Quảng cáo sản phẩm thuốc lá dưới mọi hình thức;

+ Khuyến mại hoặc sử dụng thuốc lá để khuyến mại dưới mọi hình thức.

## **2.2. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá**

- Chỉ bán sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp bán buôn trên địa bàn tỉnh theo đúng giấy phép, theo hợp đồng;

- Cấm quảng cáo sản phẩm thuốc lá dưới mọi hình thức; khuyến mại hoặc sử dụng thuốc lá để khuyến mại dưới mọi hình thức; tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức;

- Phải dán tem thuốc lá tiêu thụ trong nước; phải công bố tiêu chuẩn cơ sở về sản phẩm và bảo đảm sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc lá;

- Có nghĩa vụ tham gia phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc phòng, chống tác hại của thuốc lá.

## **3. Đối với người tiêu dùng sản phẩm thuốc lá**

- Người tiêu dùng sản phẩm thuốc lá phải có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật quy định về phương thức mua, tiêu thụ, độ tuổi, địa điểm, sản phẩm thuốc lá sử dụng...;

- Cần nâng cao nhận thức, ý thức về tác hại của thuốc lá đối với bản thân, cộng đồng trên các phương diện: sức khỏe, kinh tế, môi trường;

- Không hút thuốc lá nhập lậu; không hút thuốc lá tại nơi làm việc, trong nhà ở, tại khu vực cấm hút thuốc lá nơi công cộng, trong hội họp, lễ hội, đám cưới, đám tang, đám giỗ... Nên bằng các phương cách khác nhau, từng bước hạn chế sử dụng thuốc lá;

- Tích cực tham gia tuyên truyền, phát động phong trào: không sử dụng thuốc lá khi tuổi chưa đến 18; phụ nữ, nhất là phụ nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ; người già; người thu nhập thấp.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Các Sở, Ban, Ngành**

#### **1.1. Sở Công Thương**

- Với chức năng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá và quản lý thị trường trên

địa bàn tỉnh, là đầu mối chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện “Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”.

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch, Sở Công Thương tổ chức công bố nội dung quy hoạch đến các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND TP. Mỹ Tho, các thị xã, các huyện và các doanh nghiệp bán buôn, các thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá và nhân dân trong tỉnh.

- Định kỳ 06 (sáu) tháng, Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công Thương tình hình cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá và tình hình kinh doanh sản phẩm thuốc lá của thương nhân trên địa bàn chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ngành có liên quan và UBND TP. Mỹ Tho, các thị xã, các huyện trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch. Hàng năm, Sở Công Thương tổ chức đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, đề xuất với UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh quy hoạch nếu thực sự cần thiết.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, kiểm soát các tổ chức cá nhân có liên quan về việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước về kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Chi cục Quản lý thị trường có quyền và trách nhiệm thực thi nghiêm túc Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế; Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

### ***1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư***

Hướng dẫn thẩm định các thủ tục cấp giấy đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp mua bán sản phẩm thuốc lá phải tuân thủ quy định của pháp luật.

### ***1.3. Sở Thông tin và Truyền thông***

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về phòng, chống tác hại của thuốc lá trong cộng đồng và việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với việc kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên các phương tiện thông tin và truyền thông.

### ***1.4. Sở Y tế***

- Phối hợp với các cơ quan liên quan đào tạo, tập huấn về tác hại của thuốc lá và kỹ năng tư vấn cai nghiện thuốc lá; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, truyền thông về phòng, chống tác hại thuốc lá;



- Tạo điều kiện cho các bệnh viện lớn trong tỉnh tổ chức phòng tư vấn cai nghiện thuốc lá và hoạt động có hiệu quả;

- Thanh tra Sở Y tế có quyền và trách nhiệm thực thi nghiêm túc Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế.

### ***1.5. Sở Giáo dục và Đào tạo***

- Lòng ghép giáo dục về tác hại của thuốc lá phù hợp với các cấp học, bậc học, chú trọng tuyên truyền, thông tin cho học sinh về tuổi được phép mua, được phép sử dụng thuốc lá, kỹ năng từ chối sử dụng thuốc lá, tác hại của sử dụng thuốc lá đối với sức khỏe và cộng đồng;

- Kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật về cấm bán sản phẩm thuốc lá trong trường học.

### ***1.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch***

- Tăng cường quản lý hoạt động quảng cáo và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về quảng cáo; phối hợp với các đơn vị chức năng trong kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về cấm bán thuốc lá trong rạp chiếu phim, nhà biểu diễn văn hóa nghệ thuật, nhà thi đấu thể thao và tại các nơi công cộng khác theo quy định của pháp luật;

- Quản lý chặt chẽ việc cấp phép hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, lễ hội và tăng cường kiểm tra bảo đảm các hoạt động này không có quảng cáo, tiếp thị và tài trợ của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Hướng dẫn các địa phương, cộng đồng dân cư tham gia vào phong trào thực hiện pháp luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.

### ***1.7. Công an tỉnh***

Phối hợp với các đơn vị chức năng trong thực thi các quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá. Có quyền và trách nhiệm thực thi nghiêm túc Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế.

### ***1.8. Sở tài nguyên và Môi trường***

Cung cấp thông tin về pháp luật môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; Phối hợp với các Sở ngành liên quan và UBND các địa phương hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

### ***1.9. Các đoàn thể, tổ chức xã hội***

Phát động, đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn liền với các giải pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá; nâng cao vai trò giám sát trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá trong cộng đồng; phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát, phát hiện và kịp thời ngăn ngừa hành vi sử dụng thuốc lá vi phạm pháp luật.

## **2. Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, các thị xã và huyện**

- Triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên từng địa bàn thành phố, thị xã và huyện trên cơ sở Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cấp trên địa bàn không được vượt quá số lượng giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá mà quy hoạch đã quy định; điều kiện cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy hoạch, nhằm góp phần quản lý tốt mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn của địa phương nói riêng và địa bàn tỉnh nói chung.

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; định kỳ 06 (sáu) tháng, có trách nhiệm báo cáo về Sở Công Thương tình hình kinh doanh, cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của thương nhân trên địa bàn chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn xác định rõ vai trò chủ yếu của mình trong việc phòng chống tác hại thuốc lá vì các doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá hoạt động ngay trên địa bàn quản lý hành chính của xã, phường, thị trấn. Cần thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá; phối hợp các ngành có liên quan tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong kinh doanh thuốc lá theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các ngành chức năng của tỉnh xử lý hoặc đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp xử lý đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện và quản lý quy hoạch.

## **3. Các thành phần kinh tế tham gia bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá và các quy định trong Quyết định phê duyệt Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Chủ động cải tạo, nâng cấp mở rộng hoặc đầu tư phát triển kinh doanh sản phẩm thuốc lá phù hợp với quy hoạch, nâng cao tính chuyên nghiệp và văn minh thương mại;

- Nâng cao kiến thức và trách nhiệm của các thương nhân kinh doanh sản phẩm thuốc lá với sức khỏe của cộng đồng, với môi trường...;

- Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá tại nơi kiểm tra; cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc lá; chấp hành các hoạt động kiểm tra của cơ quan kiểm tra, đoàn kiểm tra và các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền;

- Định kỳ 06 (sáu) tháng doanh nghiệp bán buôn, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá báo cáo tình hình kinh doanh về các cơ quan quản lý nhà nước về công thương của huyện, thị xã, thành phố, tỉnh, cơ quan cấp giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá.

### **III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Chính sách của Nhà nước về kinh doanh thuốc lá được quy định khá rõ ràng, cụ thể tại các bộ luật, luật, nghị định, thông tư. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu tình hình thực thi chính sách về kinh doanh thuốc lá tại một số địa phương trong đó có tỉnh Tiền Giang, nảy sinh một số vấn đề cần kiến nghị như sau:

- Theo quy định của pháp luật: Không cấp giấy phép kinh doanh thuốc lá cho các khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc thu hút khách du lịch nhất là khách du lịch quốc tế. Có thể cho phép các cơ sở này kinh doanh thuốc lá nếu có phòng hút thuốc lá riêng.

- Theo quy định của pháp luật: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá chỉ cấp cho những thương nhân bán lẻ cách cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao 100m tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của thương nhân đó. Nên có giải thích từ ngữ trong văn bản quy phạm pháp luật về cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

- Theo quy định của pháp luật: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh mà không có giấy phép kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh theo quy định....; Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định trên đối với đối tượng hoạt động sản xuất công nghiệp hoặc kinh doanh phân phối, bán buôn sản phẩm rượu, sản phẩm thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về trưng bày thuốc lá tại điểm bán hàng. v.v. Đó là những chế tài rất cụ thể, tuy nhiên, qua báo cáo của một số cán bộ các đội quản lý thị trường thì mức xử phạt quá cao, rất khó thực thi đối với một số hộ cá thể nghèo hoặc rất nghèo, mức tiêu thụ một vài gói thuốc lá mỗi ngày, nếu xử phạt, họ không có khả năng thực hiện.

## KẾT LUẬN

Thuốc lá thuộc nhóm hàng kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích tiêu dùng. Nhà nước thống nhất quản lý đối với hoạt động xuyên suốt từ sản xuất đến kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

Thời gian qua, mạng lưới kinh doanh nhất là bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh phát triển khá nhanh đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng thuốc lá. Tuy nhiên, mạng lưới phát triển tự phát, quy mô nhỏ, lẻ, chưa đáp ứng đủ điều kiện pháp luật quy định. Trên cơ sở khảo sát, điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích, nghiên cứu thực trạng tiêu dùng và kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh; căn cứ vào các quy phạm pháp luật của Nhà nước về kinh doanh thuốc lá; căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế của tỉnh; trên cơ sở góp ý của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan của tỉnh, thành phố, thị xã, huyện và các chuyên gia sản xuất, buôn bán sản phẩm thuốc lá,... Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đưa ra quan điểm, mục tiêu, định hướng và phân bố mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, đồng thời đưa ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch.

Quy hoạch nhằm mục tiêu từng bước xây dựng, sắp xếp lại mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá hợp lý, hình thành mạng lưới kinh doanh với các thương nhân kinh doanh chuyên nghiệp, có năng lực, có khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của một bộ phận dân cư; hạn chế kinh doanh tự phát, không giấy phép; kiểm soát và hạn chế tình trạng kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả, thuốc lá không nguồn gốc; kiểm soát và nhằm hạn chế tiêu dùng sản phẩm thuốc lá bảo vệ người sử dụng, bảo vệ sức khỏe người phải hút thuốc lá thụ động, bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Tiền Giang đang phát triển, thu nhập của dân cư đang được cải thiện, trình độ tiêu dùng được nâng cao, tập quán và thói quen tiêu dùng hàng hóa nói chung và sản phẩm thuốc lá nói riêng trong thời kỳ quy hoạch sẽ có thể thay đổi hoặc sẽ xuất hiện những yêu cầu mới; những chính sách của Nhà nước về kinh doanh và tiêu dùng thuốc lá có thể sẽ chỉnh sửa bổ sung, vì vậy, những nội dung đã đưa ra về quy hoạch vẫn cần được tiếp tục cập nhật, bổ sung để điều chỉnh trong quá trình thực hiện để đóng góp hiệu quả hơn vào phòng, chống tác hại của thuốc lá./.